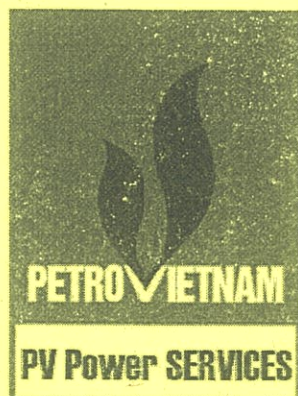


**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

---



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

*Hà Nội, tháng 3 năm 2021*

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM;**
- Tên tiếng Anh: PetroVietnam Power Services JSC.;
- Tên giao dịch: PV Power Services;
- Mã số doanh nghiệp: 0102560459. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp sửa đổi lần thứ 9 ngày 17/10/2019;
- Vốn Điều lệ: **150.000.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi tỷ đồng);**
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 150.000.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.);
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Điện thoại: (84-24) 3 7878186      Fax: (84-24) 3 7878185;
- Website: www.pvps.vn;
- Mã cổ phiếu: PPS.

#### 1.1. Thành lập

- Ngày 16/7/2007, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) thông qua Đề cương thành lập một số Công ty cổ phần trong đó có phương án thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Ngày 27/11/2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103021005 với số vốn Điều lệ là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Tính đến thời điểm hiện nay, PV Power Services đã 9 lần thay đổi đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi địa chỉ giao dịch, đại diện pháp luật Công ty.

#### 1.2. Niêm yết

- Ngày 28/12/2010, PV Power Services được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số

305/2010/GCNCP-VSD chính thức chấp thuận hoạt động lưu ký chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch HNX với mã giao dịch PPS;

- Ngày 07/01/2011, chứng khoán PPS của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chính thức phiên giao dịch đầu tiên trên sàn HNX với khối lượng trên 100.000 giao dịch thành công.

## **2. Ngành nghề kinh doanh – Địa bàn hoạt động**

### **2.1. Ngành nghề kinh doanh**

- Lắp đặt hệ thống điện (Lắp đặt thiết bị điện các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện – điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV, công suất đến 4.000 MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 4.000 MW); Sửa chữa thiết bị khác: Dịch vụ kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác: Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (không bao gồm thiết kế công trình); Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin;

- Giáo dục khác: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)...;
- Xây dựng công trình công ích: Thi công xây lắp trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công xây lắp các công trình công nghiệp;
- Sản xuất khác: Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Hoạt động viễn thông khác: Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;

## **2.2. Địa bàn hoạt động**

- Nhằm tiếp cận thị trường và đặt nền móng cho việc thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp tại khu vực phía Nam, ngày 03/8/2009, PV Power Services tiếp tục thành lập hai Chi nhánh Nhơn Trạch và Cà Mau, bước đầu thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì tại Nhà máy điện Nhơn Trạch và Nhà máy điện Cà Mau.
- Ngày 12/12/2011, PV Power Services thành lập Chi nhánh Đà Nẵng – Trung tâm thí nghiệm điện là đơn vị chuyên ngành điện lực và tự động hóa điện lực.
- Ngày 26/01/2015, Chi nhánh PV Power Services tại Hà Tĩnh được thành lập với nhiệm vụ thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và làm tiền đề tiếp cận và thiết lập bộ máy sản xuất trực tiếp tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.
- Ngày 22/4/2016, Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 của PV Power Services được thành lập theo Quyết định số 233/QĐ-DVKT ngày 22/4/2016 của Giám đốc Công ty.
- Ngoài ra PV Power Services còn tham gia bảo dưỡng sửa chữa một số nhà máy thủy điện nên có địa bàn hoạt động rộng rãi tại Hòa Na, Quế Phong (tỉnh Nghệ An), Đăkđrinh (tỉnh Quảng Ngãi)...; Nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn (tỉnh Quảng Ngãi); Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hóa); Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh; các NMD thuộc Tập đoàn TKV;

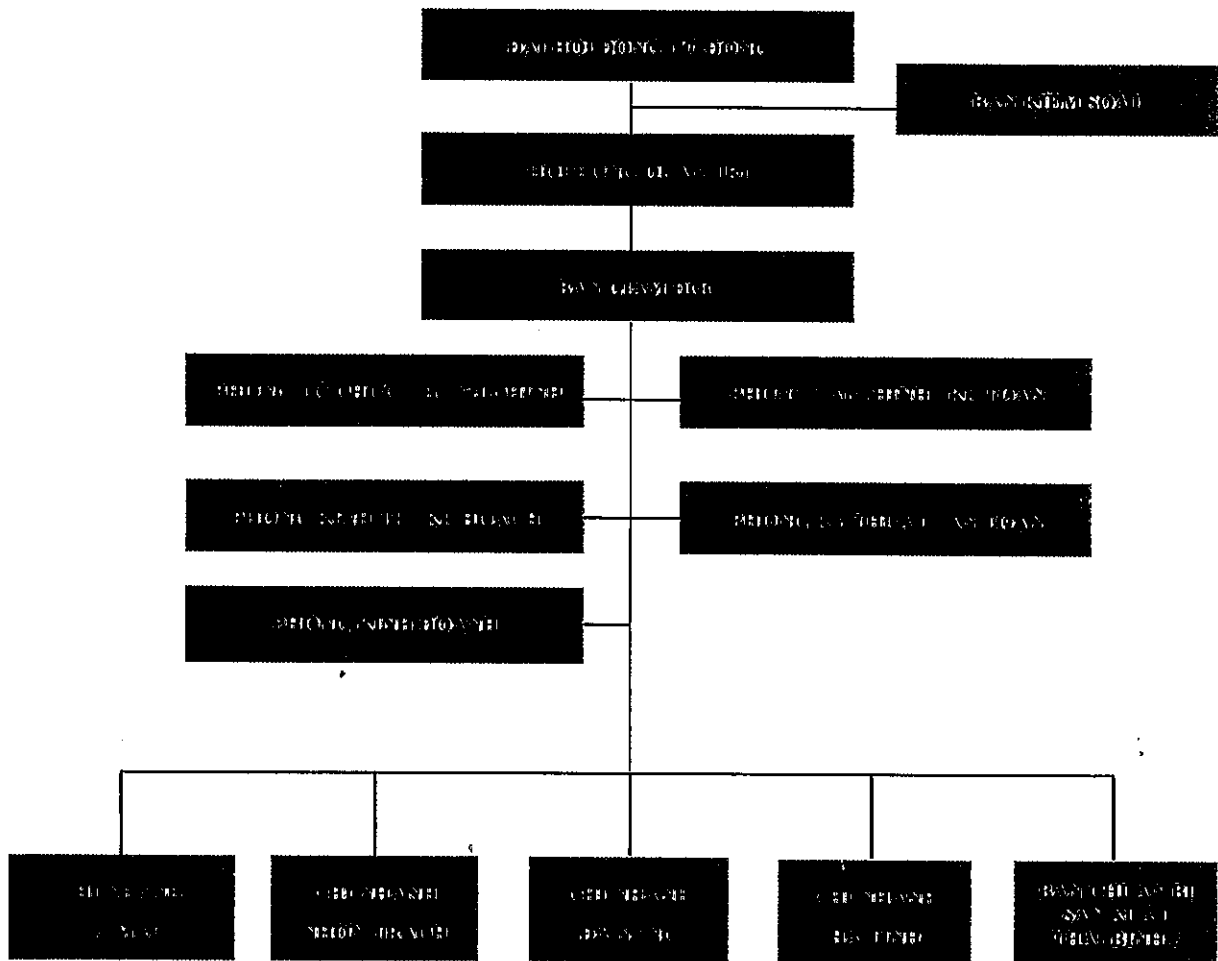


Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát (tỉnh Lào Cai); Nhà máy Thủy điện Chu Pông Krông (tỉnh Đắk Lắk):..

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**3.1. Mô hình quản trị theo Mục a Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp.**

**3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:**



**3.2.1. Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCD) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

*19*

### **3.2.2. Hội đồng quản trị**

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm một (01) Chủ tịch HĐQT và bốn (04) thành viên (trong đó có 01 thành viên độc lập) với nhiệm kỳ là năm (05) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty do ĐHĐCĐ giao phó, thực hiện trách nhiệm giám sát hoạt động của Người điều hành Công ty thông qua việc thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế phục vụ quản trị nội bộ của Công ty quy định.

### **3.2.3. Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát gồm ba (03) thành viên với nhiệm kỳ là năm (05) năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

### **3.2.4. Người điều hành Công ty**

Người điều hành Công ty hiện nay bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Người điều hành Công ty do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.

### **3.2.5. Khối Phòng/Ban chức năng**

#### **a. Phòng Tổ chức – Hành chính**

Phòng Tổ chức – Hành chính là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ, đổi mới doanh nghiệp; công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; công tác lương, thưởng, chế độ chính sách; công tác Pháp chế; Công tác Đảng – Đoàn; công tác hành chính quản trị, công tác hậu cần doanh nghiệp, văn thư văn phòng, lễ tân và lái xe.

#### **b. Phòng Tài chính - Kế toán**

Phòng Tài chính - Kế toán là bộ phận tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng Quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**c. Phòng Kinh tế - Kế hoạch**

Phòng Kinh tế - Kế hoạch là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh; quản lý thực hiện hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa dài hạn; thống kê, quản lý, kiểm tra các Hợp đồng do các Phòng/đơn vị thực hiện; kiểm soát chi phí; công tác vật tư; công tác Marketing - PR, phát triển thương hiệu; đánh giá thực hiện KPI của các Phòng/Chi nhánh; một số công việc khác của Công ty.

**d. Phòng Kỹ Thuật – An toàn**

Phòng Kỹ thuật là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác quản lý kỹ thuật; xây dựng kế hoạch và phương án triển khai BDSC, theo dõi thực hiện tại các Chi nhánh; xây dựng các tài liệu, mẫu, quy trình, quy định liên quan tới kỹ thuật và hướng dẫn triển khai, đào tạo kỹ thuật cho các chi nhánh; lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ cho các dự án; công tác quản lý hợp đồng bảo trì dài hạn; công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật; công tác đào tạo chuyên sâu và đào tạo nội bộ; công tác nghiên cứu khoa học; công tác xét duyệt cán bộ công nhân viên kỹ thuật cao và công tác ISO của Công ty; Quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, PCCC, PCLB&TKCN và bảo vệ môi trường (xây dựng chính sách, quy trình, quy định, hướng dẫn, giám sát, theo dõi thực hiện và báo cáo).

**e. Phòng Kinh doanh**

Phòng Kinh doanh là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác tổ chức thực hiện việc phát triển, mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại cho các khách hàng mới; mở rộng thị trường, thiết lập hệ thống khách hàng, hệ thống nhà phân phối; tìm kiếm, xây dựng thị trường khách hàng ngoài Tổng công ty cho Công ty; bán và quản lý thực hiện hợp đồng ngoài.

**3.2.6. Khối sản xuất trực tiếp**

**a. Chi nhánh Nhơn Trạch, Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Hà Tĩnh**

+ Chức năng:

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan.



+ **Nhiệm vụ:**

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Chi nhánh theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Chi nhánh và các vùng lân cận đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Chi nhánh và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, thủ tục giấy tờ có liên quan...);
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

b. **Chi nhánh Đà Nẵng**

+ **Chức năng:**

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về thí nghiệm điện, thi công lắp đặt các thiết bị điện, sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ kỹ thuật liên quan của các Nhà máy điện, công trình công nghiệp.



+ **Nhiệm vụ:**

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến công tác thí nghiệm hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, thủ tục giấy tờ có liên quan...);
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

c. ***Ban chuẩn bị sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Thái Bình 2:***

+ **Chức năng:**

- Ban CBSX BDSC Thái Bình 2 có chức năng thay mặt Công ty trực tiếp quản lý và tổ chức triển khai công tác chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, của Công ty về phân cấp và ủy quyền;



- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động do Công ty cấp theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành của Công ty.
- + Nhiệm vụ:
  - Thực hiện các công việc liên quan đến công tác chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 phù hợp với các quy định hiện hành cho đến khi Chi nhánh Thái Bình thuộc Công ty được thành lập;
  - Bám sát việc triển khai dự án, tiến độ dự án từ Ban quản lý dự án và nhà thầu; Kịp thời báo cáo Công ty và đề xuất phương án xử lý trong trường hợp có thay đổi, phát sinh, vướng mắc cũng như các thay đổi khác liên quan đến quá trình triển khai thực hiện dự án;
  - Tập hợp hồ sơ Thiết kế kỹ thuật/Thiết kế tổng thể đã được các cấp có thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt;
  - Nghiên cứu, phân loại các tài liệu kỹ thuật theo các lĩnh vực và chuyên ngành: Cơ - nhiệt; Điện; C&I;
  - Lập danh mục thiết bị theo sơ đồ công nghệ PID và các tài liệu kỹ thuật liên quan theo các lĩnh vực Cơ - nhiệt, Điện, C&I;
  - Xây dựng các quy trình an toàn chung; quy trình bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị Cơ - nhiệt; Điện; C&I.
  - Lập lý lịch thiết bị;
  - Xây dựng danh mục vật tư dự phòng 2 năm đầu: bao gồm danh mục, số lượng, đặc tính kỹ thuật, các tài liệu kỹ thuật liên quan;
  - Xây dựng dự toán sửa chữa, bảo dưỡng: cho các công việc sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ (Tiểu tu, Trung tu và Đại tu) (trên cơ sở tài liệu O&M, định mức, dự toán VA1 và các tài liệu tham khảo khác) cho các thiết bị Cơ - nhiệt, Điện, C&I:
    - > Phạm vi công việc, biện pháp thi công sửa chữa, bảo dưỡng.
    - > Nhân công thực hiện các công việc sửa chữa, bảo dưỡng.
    - > Vật tư tiêu hao thực hiện công việc sửa chữa, bảo dưỡng.
    - > CCDC để thực hiện công việc sửa chữa, bảo dưỡng.

19

- Xây dựng dự toán cho công tác sửa chữa bất thường, bảo vệ chống ăn mòn: phạm vi công việc, biện pháp thi công, nhân công, vật tư tiêu hao, máy thi công và CCDC, chu kỳ và thời gian thực hiện;
- Xây dựng các cơ sở pháp lý để bảo vệ với Tổng công ty và Tập đoàn khi thành lập Chi nhánh Công ty tại Thái Bình;
- Lập kế hoạch nhân lực và đào tạo nhân lực bảo dưỡng sửa chữa trình Công ty phê duyệt và tổ chức thực hiện;
- Chuẩn bị các thủ tục để thành lập Chi nhánh Công ty tại Thái Bình;
- Tham gia theo dõi, học tập việc vận hành, hiệu chỉnh và sửa chữa thiết bị trong công tác lắp đặt, quá trình chạy thử, nghiệm thu từng hạng mục công việc, nhiệm vụ toàn bộ trước khi được Chủ đầu tư cho phép đi vào hoạt động;
- Tham gia các khóa đào tạo chuyển giao công nghệ tại công trường;
- Báo cáo kết quả thực hiện công việc hàng quý, hàng tháng cũng như báo cáo công việc đột xuất theo yêu cầu của Công ty về tình hình thực hiện công tác chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

#### **4. Định hướng phát triển**

##### **4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Phát triển PVPS trở thành một công ty chuyên nghiệp về cung cấp dịch vụ kỹ thuật SCBD các nhà máy điện, công trình công nghiệp, với mục tiêu:

- Cao về chất lượng sản phẩm dịch vụ.
- Sâu về chuyên môn nghiệp vụ.
- Rộng về địa bàn, thị trường hoạt động (truyền thống và mở rộng thị trường).
- Mạnh về sức cạnh tranh (năng lực và tài chính).
- Hiệu quả trong sản xuất.

##### **4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

###### **➤ Giai đoạn 2021-2025**

- Tiếp tục là Nhà thầu chính cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và định kỳ cho các nhà máy điện của PVN/PVPower, bao gồm cung

cấp vật tư thiết bị và duy trì hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa cho các NM thủy điện và các NMD khác ngoài ngành.

- Phát triển dịch vụ BDSC với các đơn vị ngoài PVN/PV Power, như các nhà máy Lọc hóa dầu, luyện kim, khai khoáng, Formosa, các nhà máy nhiệt điện của EVN, TKV...
- Trực tiếp thực hiện công tác BDSC lớn cho các NMD của PV Power/PVN; tiến tới xây dựng phương án phát triển dịch vụ kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thuê cho các NMD ngoài Tập đoàn; Thực hiện dịch vụ hỗ trợ, đánh giá quá trình chuẩn bị tiếp nhận vận hành (Operation Readiness Review); dịch vụ nghiệm thu chạy thử (commissioning); dịch vụ thí nghiệm hiệu chỉnh, tối ưu tổ máy, lò hơi; dịch vụ theo dõi, tối ưu hiệu năng vận hành các nhà máy.
- Hợp tác với các nhà sản xuất gốc cung cấp trọn gói dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu suất phát điện cho các nhà máy của PVPower.
- Nghiên cứu đầu tư xưởng sửa chữa gia công phục hồi các thiết bị phục vụ NMD, trước mắt phục vụ NMD Vũng Áng 1; tiến tới mở rộng phạm vi của xưởng sửa chữa, gia công phục hồi, kiểm định các thiết bị điện cho các đơn vị ngoài PVN/PV Power; Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị phụ tùng thay thế tại các NMD như Tuabin hơi, bơm, quạt, van, vòi, máy nén, ống áp lực lò hơi,...
- Cung cấp dịch vụ vận hành và bảo dưỡng sửa chữa cho những hệ thống độc lập trong các nhà máy điện.
- Mở rộng thêm các lĩnh vực cung cấp dịch vụ, kể cả những lĩnh vực để phục vụ công việc nội tại của PVPS như cung cấp giàn giáo..., phát triển thêm mảng dịch vụ trong ngành dân dụng như bảo dưỡng sửa chữa các hệ thống M&E tòa nhà...
- Nâng cấp, tái điều chỉnh nhân lực kỹ thuật của Công ty, đặc biệt là nhân lực kỹ thuật cao. Phát triển nhóm tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng tại Phòng dịch vụ của Công ty/các chi nhánh
- Định hướng chiến lược đến 2035
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để trở thành Nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật chính (vật tư, nhân công, chuyên gia) cho tất cả các Nhà máy điện thuộc Tập đoàn/Tổng công ty.



- Thực hiện cung cấp chuỗi dịch vụ kỹ thuật khép kín từ khâu sản xuất phụ tùng thay thế, hiệu chỉnh thiết bị, kiểm định đo lường thiết bị.
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật trọn gói vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện than, điện khí trong nước và khu vực Asean.

#### 4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Mục tiêu của Công ty là phát triển bền vững, vì vậy Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp.
- Công ty luôn gắn bó và thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như:
  - Hỗ trợ nhà ở cho người lao động theo chương trình Mái ấm công đoàn Dầu khí;
  - Tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo;
  - Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn;
  - Tham gia ủng hộ chương trình nhắn tin “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” của Hội chữ thập đỏ Việt Nam tổ chức.
  - Thực hiện việc quyên góp ủng hộ đồng bào lũ lụt ở miền Trung.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: (Biểu 1)

Đơn vị tính: tỷ đồng

| TT  | Nội dung                       | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2020 | Thực hiện năm 2020 | Đạt (%) |
|-----|--------------------------------|-------------|-------------------|--------------------|---------|
| I   | TỔNG DOANH THU                 | Tỷ đồng     | 251,88            | 266,35             | 106%    |
| II  | TỔNG CHI PHÍ                   | Tỷ đồng     | 232,08            | 241,55             | 104%    |
| III | Lợi nhuận trước thuế tính toán | Tỷ đồng     | 19,80             | 24,80              | 125%    |
| IV  | Lợi nhuận sau thuế             | Tỷ đồng     | 15,84             | 19,74              | 125%    |

Theo Biểu số liệu trên cho thấy:

- Doanh thu: tổng doanh thu thực hiện năm 2020 đạt 106% kế hoạch, năm 2020 Công ty không thực hiện sửa chữa định kỳ NME Nhơn Trạch 1 (trung tu GT11) nhưng Công ty đã thực hiện gia tăng phạm vi công việc phát sinh Hợp đồng Vũng Áng 1, phát sinh doanh thu tài chính và thu nhập khác (hoàn quỹ khoa học công nghệ theo quy định).
- Chi phí: tổng chi phí thực hiện năm 2020 đạt 104% do Công ty đã nỗ lực thực hiện tốt các biện pháp tiết giảm chi phí tối đa nhằm đảm bảo lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra.

=> Kết quả Lợi nhuận trước thuế đạt 24,8/19,8 tỷ đồng, đạt 125% kế hoạch.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách nhân sự Ban điều hành PV Power Services

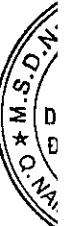
| TT | Họ và tên         | Chức vụ                |
|----|-------------------|------------------------|
| 1  | Ông Vũ Anh Tuấn   | Giám đốc Công ty       |
| 2  | Ông Phùng Văn Đức | Phó Giám đốc Công ty   |
| 3  | Ông Vũ Quang Dũng | Phó Giám đốc Công ty   |
| 4  | Ông Lê Đình Thái  | Kế toán trưởng Công ty |

### 2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

| TT | Chức danh    | Cũ         | Mới | Thời điểm  |
|----|--------------|------------|-----|--|
| 1  | Phó Giám đốc | Mã Ngọc Kỳ |     | Ông Mã Ngọc Kỳ<br>thôi giữ chức Phó<br>Giám đốc Công ty từ<br>ngày 05/8/2020 |

### 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng số cán bộ công nhân viên là 473 người. Trong tổng số 473 CBCNV có:
  - + Tiến sỹ: 0 người
  - + Công nhân kỹ thuật, lái xe: 86 người
  - + Thạc sỹ: 17 người
  - + Lao động phổ thông: 0 người



- + Đại học: 234 người
- + Cán bộ nữ: 56 người
- + Cao đẳng: 49 người
- + Tuổi trung bình cán bộ: 36
- + Trung cấp: 87 người
- Công ty thực hiện trên nguyên tắc phân phối tiền lương, thu nhập theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, đồng thời khuyến khích CBCNV và người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Đảm bảo 100% CBCNV được ký Hợp đồng lao động theo quy định.
- Công tác thực hiện tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty đã ký với PVI Hợp đồng “Bảo hiểm con người với trách nhiệm cao” cho toàn bộ CBCNV, giải quyết tốt chế độ chính sách cho người lao động; chăm lo đời sống cho CBCNV nhân dịp các ngày lễ lớn.
- Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

**3.1. Các khoản đầu tư lớn:** Không có.

**3.2. Các Công ty con, Công ty liên kết:**

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC);
- Tỷ lệ PV Power Services nắm giữ: 11,90% Vốn Điều lệ PAIC;
- Địa chỉ: Tầng 17, tòa nhà INCON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Giấy đăng ký KD số: 0103035042;
- Vốn Điều lệ: 42.352.900.000 đồng.
- Tỷ lệ PV Power Services nắm giữ cổ phần tại PV Tech (PAIC): 11,90% Vốn Điều lệ.
- Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu                    | Đơn vị tính | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | % so với năm trước |
|-----------------------------|-------------|----------------|----------------|--------------------|
| Tổng giá trị tài sản        | Đồng        | 82.823.581.622 | 91.072.070.153 | 110%               |
| Doanh thu thuần             | Đồng        | 80.323.645.977 | 92.985.341.375 | 116%               |
| Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | Đồng        | 4.483.820.652  | 3.230.055.613  | 72%                |
| Lợi nhuận trước thuế        | Đồng        | 3.409.389.410  | 4.136.550.598  | 121%               |
| Lợi nhuận sau thuế          | Đồng        | 2.265.257.381  | 3.389.929.675  | 150%               |

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính 2020 của PAIC)

#### 4. Tình hình tài chính

##### a. Tình hình tài chính

(Biểu 2) Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu                          | Năm 2019        | Năm 2020        | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 473.297.737.230 | 481.792.909.522 | 102%        |
| Doanh thu thuần                   | 213.476.215.734 | 262.489.274.679 | 123%        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 18.873.110.722  | 23.136.574.308  | 123%        |
| Lợi nhuận khác                    | (500.245.383)   | 1.666.026.536   | 333%        |
| Lợi nhuận trước                   | 18.372.865.339  | 24.802.600.844  | 135%        |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | 7.5%            | 11%             |             |

Ghi chú: Tỷ lệ trả cổ tức 2020 chỉ mang tính chất dự báo, tỷ lệ chi trả chính thức phải được Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên 2021.

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

(Biểu 3)

| Chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Năm 2019 | Năm 2020 |
|---|-------------|----------|----------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                 |             |          |          |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:                              |             |          |          |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn                              | Lần         | 1.44     | 1.49     |
| + Hệ số thanh toán nhanh                                  |             |          |          |
| <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn</u>        | Lần         | 1.38     | 1.44     |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                          |             |          |          |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                   | Lần         | 0.61     | 0.60     |
| + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu                                 | Lần         | 1.56     | 1.52     |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                  |             |          |          |
| + Vòng quay hàng tồn kho                                  |             |          |          |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân                   | Vòng        | 0.12     | 12.29    |
| + Vòng quay tổng tài Sản/Total asset turnover:            |             |          |          |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân                    | Vòng        | 0.12     | 0.55     |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                   |             |          |          |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                | %           | 6.58%    | 7.52%    |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu                 | %           | 7.60%    | 10.31%   |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                   | %           | 2.97%    | 4.10%    |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | %           | 8.84%    | 8.81%    |

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 2760/VSD-ĐK.NV chốt ngày 26/3/2021 do Trung tâm lưu ký chứng khoán ban hành ngày 26/03/2021

**a. Cổ phần**

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 Cổ phần;  
 Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 2.702.900 Cổ phần;  
 Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.297.100 Cổ phần.

**b. Cơ cấu cổ đông**

Cổ đông lớn: 2 cổ đông, nắm giữ 10.350.000 cổ phần tương đương 69% tổng số cổ phần:

- Cổ đông là tổ chức trong nước: 1 cổ đông, nắm giữ 7.650.000 cổ phần, tương đương 51% tổng số cổ phần;
- Cổ đông là tổ chức nước ngoài: 1 cổ đông, nắm giữ 2.700.000 cổ phần, tương đương 18% tổng số cổ phần.

Các cổ đông khác nắm giữ: 4.650.000 cổ phần, tương đương 31% tổng số cổ phần.

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** không có.

d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có.

e. **Các chứng khoán khác:** không có.

6. **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

a. **Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**

- Tính đến thời điểm ngày 31/12/2020, tổng số lao động trong toàn Công ty là 473 người.

- Tiền lương bình quân năm 2020 là 20,14 triệu đồng/người/tháng.

b. **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

- Thực hiện chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho NLD:

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thực hiện các chế độ phụ cấp độc hại, bồi dưỡng bằng hiện vật; phụ cấp ăn ca; theo quy định của Nhà nước.

+ Tổ chức các khóa huấn luyện ATVSLĐ cho CBCNV theo nghị định 44/2016/NĐ-CP; Tổ chức huấn luyện, kiểm tra sát hạch an toàn điện định kỳ hàng năm cho CBCNV Phòng Kỹ thuật An toàn và các Chi nhánh trực thuộc Công ty. Thực hiện cấp thẻ an toàn cho 369 người (CNCM: 69 người; CNNT: 67 người; CNĐN: 05 người; CNHT: 216 người; P.KTAT: 12 người).

+ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV.

+ Tổ chức thực hiện khám phát hiện bệnh nghề nghiệp theo kế hoạch.

+ Mua Bảo hiểm con người kết hợp mức trách nhiệm cao để khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người lao động trong toàn Công ty.

- + Tổ chức thăm quan, nghỉ mát cho CBCNV nhằm tái tạo sức lao động và sự đoàn kết trong tập thể người lao động.
- Chế độ phúc lợi, chăm lo đời sống CBCNV và các phong trào đoàn thể:
  - + Ban Giám đốc Công ty luôn quan tâm và phối hợp với Công đoàn Công ty thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động, thực hiện đảm bảo chế độ chính sách, khen thưởng, phúc lợi cho toàn thể CBCNV Công ty.
  - + Chi quỹ phúc lợi cho CBCNV vào các dịp lễ Tết trong năm 2020.
  - + Trong dịp Tết Canh Tý năm 2020, đại diện Ban Lãnh đạo Công ty đã tổ chức thăm hỏi chúc Tết vào đêm giao thừa và các ngày Tết đối với CBCNV đang thực hiện nhiệm vụ tại Nhà máy. Công đoàn Công ty cũng tổ chức mua quà Tết cho toàn thể CBCNV Công ty nhằm góp phần tạo được cái Tết đầm ấm cho CBCNV. Thăm hỏi gia đình CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên Đán năm 2020.
  - + Đảm bảo các chế độ ưu tiên khác cho lao động nữ như: trợ cấp các chế độ liên quan đến thai sản và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi theo quy định của Nhà nước; chi tiền hỗ trợ chăm sóc sắc đẹp hàng tháng cho nữ CBCNV; Tổ chức chương trình và tặng quà cho nữ CBCNV Công ty vào các dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.
  - + Tặng quà cho 666 cháu thiếu nhi là con CBCNV Công ty nhân dịp Tết thiếu nhi 01/6/2020. Tổ chức “Đêm hội trăng rằm” tại Cơ quan Công ty, Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Hà Tĩnh tổ chức chương trình vui Tết Trung thu năm 2020; Tặng quà cho 672 cháu thiếu nhi là con CBCNV Công ty nhân dịp Tết trung thu, kết hợp phát tặng quà khen thưởng cho 227 cháu có thành tích cao trong học tập năm học 2019-2020, cho các cháu đạt danh hiệu cấp trường và cho các cháu đạt danh hiệu cấp quận/huyện trở lên.
  - + Công đoàn Công ty tặng bánh trung thu cho CBCNV Công ty nhân dịp Tết Trung thu năm 2020.
  - + Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho người thân 122 CBCNV đã có công với cách mạng nhân kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/7.
  - + Thăm hỏi gia đình CBCNV bị ảnh hưởng thiệt hại do lũ lụt tại miền Trung năm 2020.

19

- + Hỗ trợ kinh phí mua khẩu trang cho CBCNV Công ty để phòng chống dịch Covid-19.
- + Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao luôn được lãnh đạo Công ty và Công đoàn quan tâm triển khai đến tất các bộ phận, cụ thể: tổ chức giải cầu lông, bóng bàn, bóng đá chào mừng kỷ niệm 13 năm ngày thành lập Công ty (27/11/2007 - 27/11/2020).

**c. Hoạt động đào tạo người lao động**

Với mục đích xây dựng đội ngũ CBCNV Công ty thành thạo về nghiệp vụ, bắt kịp được sự phát triển về khoa học kỹ thuật của khu vực, góp phần thực hiện tốt chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2020, Công ty đào tạo cho 113 lượt người/112 lượt người (đạt 100.9% KH).

*Handwritten mark*

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

*(Biểu 4) Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| TT  | Nội dung                       | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2020 | Thực hiện năm 2020 | Đạt (%) |
|-----|--------------------------------|-------------|-------------------|--------------------|---------|
| I   | TỔNG DOANH THU                 | Tỷ đồng     | 251,88            | 266,35             | 106%    |
| II  | TỔNG CHI PHÍ                   | Tỷ đồng     | 232,08            | 241,55             | 104%    |
| III | Lợi nhuận trước thuế tính toán | Tỷ đồng     | 19,80             | 24,80              | 125%    |
| IV  | Lợi nhuận sau thuế             | Tỷ đồng     | 15,84             | 19,74              | 125%    |

Như đã báo cáo và phân tích tại Biểu 1, Biểu 2, Biểu 3 và Biểu 4, Ban Giám đốc đánh giá Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được ĐHCĐ thông qua, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận, duy trì được sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, trong đó những yếu tố quan trọng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty được xác định như sau:

- Duy trì công tác bảo trì, sửa chữa các Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2, Vũng Áng 1 được ổn định, đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng kỹ thuật.

*Handwritten mark*



- Tiếp tục ký và thực hiện tốt các Hợp đồng dịch vụ kỹ thuật mới với các đối tác như Formosa Hà Tĩnh/ Nhơn Trạch, Nghi Sơn, Quảng Ninh, Đak Ble, Đakrông..... Thực hiện tốt các công việc phát sinh tại NME Vũng Áng 1...
- Tăng cường công tác quản lý, quản trị, tiết giảm/tiết kiệm tối đa các khoản mục chi phí, đặc biệt chi phí quản lý Công ty (tiết giảm khoảng 7% so với cùng kỳ năm trước).

## 2. Kế hoạch năm 2021

- Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa các NME đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả.
- Tăng cường công tác xúc tiến, tìm kiếm cơ hội phát triển dịch vụ kỹ thuật, bao gồm dịch vụ BDSC các NME và dịch vụ thương mại liên quan đến lĩnh vực BDSC (cung cấp vật tư, phụ tùng, thiết bị,...).
- Có kế hoạch đào tạo, nâng cao tay nghề đội ngũ cán bộ kỹ thuật cao, hướng tới việc làm chủ công tác bảo dưỡng sửa chữa hiện đang do chuyên gia nước ngoài thực hiện.
- Tiếp tục tái cơ cấu công tác quản trị, tổ chức, nhân sự nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch tiền lương trên cơ sở phù hợp quy định của pháp luật, cơ chế quản lý tiền lương của HĐQT và đặc thù của Công ty, đảm bảo ổn định đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên, đặc biệt đội ngũ cán bộ kỹ thuật có tay nghề cao nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả.
- Thực hiện công tác chuẩn bị sản xuất, sẵn sàng tham gia thực hiện công tác BDSC NME Thái Bình 2, Sông Hậu 1.
- Thực hiện các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Đánh giá chung

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua;
- Các tiêu chí bảo toàn vốn, hiệu suất sử dụng vốn đều phản ánh sự ổn định, an toàn trong việc sử dụng vốn.

## **2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

### **2.1. Về thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh**

- Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, bám sát kế hoạch được giao, cụ thể:
  - Doanh thu đạt: 106% kế hoạch được giao.
  - Lợi nhuận đạt: 125 % kế hoạch được giao.
- Báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao.

### **2.2. Về công tác quản lý điều hành**

- Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản pháp lý trong công tác quản lý để hiệu chỉnh, cập nhật thông tin quản lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty qua từng thời kỳ;
- Thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ, sắp xếp nhân lực theo đúng chức danh, công việc, đánh giá hiệu quả công việc để áp dụng mức lương tương ứng. Phân công, phân cấp quản lý trong ban lãnh đạo theo từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chi tiêu, quản lý sản xuất tại các Chi nhánh. Tuân thủ Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật.

## **3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị**

- Chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Ban Giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất;
- Hội đồng Quản trị tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tái cơ cấu tổ chức công ty phù hợp với tình hình thực tế và với chủ trương của Nhà nước và Tập đoàn Dầu khí. Tiếp tục tìm giải pháp thoái vốn đầu tư tại PAIC;
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của Hội đồng Quản trị theo đúng quyền hạn và trách nhiệm, kịp thời khắc phục khó khăn để cùng với Ban Giám đốc phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của cổ đông;
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc đảm bảo thu nhập và chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động;
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng Quản trị

#### a. Thành viên, cơ cấu Hội đồng Quản trị

| STT | Thành viên HĐQT    | Chức vụ trong HĐQT                   | Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết | Chức danh tại Công ty khác                                       | Ghi chú                        |
|-----|--------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------|
| 1   | Ông Bùi Duy Nhị    | Chủ tịch HĐQT                        | 15%                                  | Không  |                                |
| 2   | Ông Vũ Anh Tuấn    | Thành viên HĐQT/<br>Giám đốc Công ty | 12%                                  | Không  |                                |
| 4   | Ông Mã Ngọc Kỳ     | Thành viên HĐQT                      | 12%                                  | Phó Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật |                                |
| 3   | Ông Phạm Đức Nghĩa | Thành viên HĐQT                      | 12%                                  | Phó Trưởng Ban Kỹ thuật PV Power                                 | Được ĐHCĐ bầu ngày 20/5/2020   |
|     | Ông Mai Văn Long   | Thành viên HĐQT                      | 12%                                  | Phó Giám đốc PV Power Ha Tinh                                    | ĐHCĐ miễn nhiệm ngày 20/5/2020 |
| 5   | Ông Vũ Huy Quang   | Thành viên độc lập HĐQT              | 0%                                   | Không  | Được ĐHCĐ bầu ngày 20/5/2020   |
| 6   | Ông Ngô Kim Sơn    | Thành viên độc lập HĐQT              | 0%                                   | Giám đốc kinh doanh Công ty CP Tập đoàn thang máy Thăng Long     | ĐHCĐ miễn nhiệm ngày 20/5/2020 |

b. Các tiểu ban Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị hiện nay không có tiểu ban.

#### c. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

- HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

- Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị đã tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, Trưởng các phòng chức năng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ triển khai các dự án, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.
- Trong những trường hợp phát sinh các vấn đề trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị /Đại hội đồng Cổ đông, trên cơ sở các tờ trình của Giám đốc Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ đạo lấy ý kiến các thành viên/cổ đông để ban hành các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông/ Hội đồng Quản trị kịp thời.
- Trong năm 2020 Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc giám sát các hoạt động:
  - Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và xác định mục tiêu cụ thể cho từng tháng/Quý cho năm 2020.
  - Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 20/5/2020.
  - Xem xét phương hướng triển khai sản xuất kinh doanh của Công ty từng Quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2020.
  - Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện kết hợp với Quản lý các chi phí, Quản lý vật tư, nguồn nhân lực,... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
  - Giao Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp tốt với các đoàn thể như Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn cùng nhau phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.
  - Hội đồng Quản trị đã đưa ra định hướng, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra, kiểm soát.
- Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp định kỳ theo Quý, cụ thể như sau:

- Hợp HĐQT quý I/2020 ngày 25/3/2020: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 40/NQ/DVKT-HĐQT ngày 25/3/2020.
- Hợp HĐQT Quý II/2020 ngày 14/7/2020: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 120/NQ/DVKT-HĐQT ngày 14/7/2020.
- Hợp HĐQT Quý III/2020 ngày 23/10/2020: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 166/NQ/DVKT-HĐQT ngày 23/10/2020.
- Hợp HĐQT Quý IV/2020 ngày 28/01/2021: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 08/NQ/DVKT-HĐQT ngày 28/01/2021.

*(Chi tiết tại các Nghị quyết đính kèm).*

**d. Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị**

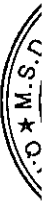
- Ngày 20/5/2020 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam đã bầu Ông Vũ Huy Quang làm Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị.
- Trong năm Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy vai trò Thành viên độc lập HĐQT trong việc đảm bảo quyền lợi cho cổ đông của Công ty.

**e. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:** Không.

**2. Ban Kiểm soát**

**2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

| STT | Họ và tên             | Chức danh trong BKS  | Tỷ lệ nắm giữ Cổ phần |
|-----|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| 1   | Ông Phạm Hùng Anh     | Trưởng Ban Kiểm soát | 1000 cổ phiếu         |
| 2   | Ông Nguyễn Quang Đông | Kiểm soát viên       | 0%                    |
| 3   | Ông Lữ Văn Thụ        | Kiểm soát viên       | 0%                    |



## **2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát**

### **a. Công tác kiểm tra, giám sát định kỳ**

Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hàng quý theo kế hoạch kiểm soát hàng năm được ĐHĐCĐ thông qua.

### **b. Nội dung kiểm tra, giám sát**

Năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định BCTC hàng quý/bán niên/năm và đưa ra các ý kiến đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát trong các báo cáo kiểm tra định kỳ đã được HĐQT, Ban điều hành Công ty ghi nhận và thực hiện trong công tác quản trị và quản lý Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong hoạt động quản lý, điều hành SXKD; tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính (theo Luật Doanh nghiệp);
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị (theo Luật Doanh nghiệp);
- Đánh giá việc thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra thuộc cơ quan nhà nước, cơ quan chức năng có thẩm quyền tại Công ty;
- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tổng Công ty đối với Người đại diện phần vốn Tổng Công ty tại doanh nghiệp;
- Đánh giá việc ban hành và thực hiện các Quy chế, Quy trình, Quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và Người điều hành Công ty.

### **c. Phạm vi kiểm tra, giám sát**

- Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2020 thuộc trách nhiệm của Người điều hành Công ty; Ban Kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính; Đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo. Ban Kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với

chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ của Công ty. Đối với các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị điều hành, do đó Ban Kiểm soát tiến hành kiểm soát trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.

- Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

**d. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát**

Theo quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát: “Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát”. Trong năm 2020, thực hiện các quy định về phòng chống dịch Covid 19, Ban Kiểm soát thống nhất thực hiện các cuộc họp Ban Kiểm soát theo hình thức trực tuyến, các biên bản làm việc, dữ liệu kiểm tra được cung cấp, thảo luận và thống nhất thông qua biểu quyết bằng thư điện tử (e mail).

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát duy trì các cuộc họp trực tuyến và thống nhất các nội dung sau:

- Thông qua các Báo cáo hoạt động kiểm soát hàng quý: 100% thống nhất;
- Thông qua kế hoạch, lịch kiểm tra, kiểm soát: 100% thống nhất;
- Thông qua nội dung, kết quả kiểm soát tại các Chi nhánh: 100% thống nhất;
- Thông qua Kế hoạch hoạt động năm 2021: 100% thống nhất;
- Thông qua các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông 2021: 100% thống nhất.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty và Ban kiểm soát**

**3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

3.1.1. Lương thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty

| St<br>t | Họ và tên        | Chức vụ                             | Hệ số<br>lương | Đơn giá<br>tiền lương<br>vị trí<br>(đồng/hệ<br>số) | Đơn giá tiền lương<br>hiệu quả<br>(đồng/hệ số)                   | Ăn ca<br>(đồng/th) | Ghi chú   |
|---------|------------------|-------------------------------------|----------------|--|--|--------------------|---|
| 1       | Ô. Bùi Duy Nhị   | Chủ tịch<br>HĐQT                    | 9,42           | 4.500.000  | - Từ 01/01-30/4/2020<br>4.500.000<br>- Từ 1/5/2020:<br>5.400.000 | 730.000            |   |
| 2       | Ô. Vũ Anh Tuấn   | Thành viên<br>HĐQT,<br>Giám đốc     | 9,42           | 4.500.000  |  |                    |   |
| 3       | Ô. Phạm Hùng Anh | Trưởng BKS                          | 6,27           | 4.500.000  |  |                    |   |
| 4       | Ô. Mã Ngọc Kỳ    | Thành viên<br>HĐQT, Phó<br>Giám đốc | 7,18           | 4.500.000  |  |                    | Ô. Mã Ngọc Kỳ<br>Thời giữ chức Phó<br>Giám đốc Công ty<br>từ ngày 05/8/2020 |
| 5       | Ô. Lê Đình Thái  | Kế toán<br>trưởng                   | 6,71           | 4.500.000  |  |                    |   |

### 3.1.2. Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát

| STT | Họ và tên             | Chức vụ                    | Thù lao/ tháng<br>(ĐỒNG) | Ghi chú                            |
|-----|-----------------------|----------------------------|--------------------------|------------------------------------|
| 1   | Ông Phạm Đức Nghĩa    | Thành viên HĐQT            | 3.000.000                | Giữ chức từ ngày<br>20/5/2020      |
| 2   | Ông Vũ Huy Quang      | Thành viên độc lập<br>HĐQT | 3.000.000                | Giữ chức từ ngày<br>20/5/2020      |
| 3   | Ông Mai Văn Long      | Thành viên HĐQT            | 3.000.000                | Thời giữ chức từ<br>ngày 20/5/2020 |
| 4   | Ông Ngô Kim Sơn       | Thành viên độc lập<br>HĐQT | 3.000.000                | Thời giữ chức từ<br>ngày 20/5/2020 |
| 5   | Ông Mã Ngọc Kỳ        | Thành viên HĐQT            | 3.000.000                | Hưởng thù lao từ<br>ngày 05/8/2020 |
| 6   | Ông Nguyễn Quang Đông | Thành viên BKS             | 2.000.000                |                                    |
| 7   | Ông Lữ Văn Thụ        | Thành viên BKS             | 2.000.000                |                                    |



- 3.2. **Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.**
- 3.3. **Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.**
- 3.4. **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Tuân thủ theo quy định pháp luật về quản trị Công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1.1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 1.2. Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020: Chi tiết như đính kèm.

- Xem toàn văn Báo cáo tài chính tại website: [www.pvps.vn](http://www.pvps.vn)

## ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC  
*Vũ Anh Tuấn*

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

|                                      | <b>Trang</b> |
|--------------------------------------|--------------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc             | 02-03        |
| Báo cáo kiểm toán độc lập            | 04-05        |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  | 06-32        |
| Bảng cân đối kế toán                 | 06-07        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 08           |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 09-10        |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính        | 11-32        |

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 17 tháng 10 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                    |          |                            |
|--------------------|----------|----------------------------|
| Ông Bùi Duy Nhị    | Chủ tịch |                            |
| Ông Vũ Huy Quang   | Ủy viên  | Bỏ nhiệm ngày 20/05/2020   |
| Ông Phạm Đức Nghĩa | Ủy viên  | Bỏ nhiệm ngày 20/05/2020   |
| Ông Ngô Kim Sơn    | Ủy viên  | Miễn nhiệm ngày 20/05/2020 |
| Ông Mai Văn Long   | Ủy viên  | Miễn nhiệm ngày 20/05/2020 |
| Ông Vũ Anh Tuấn    | Ủy viên  |                            |
| Ông Mã Ngọc Kỳ     | Ủy viên  |                            |

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                   |              |                            |
|-------------------|--------------|----------------------------|
| Ông Vũ Anh Tuấn   | Giám đốc     |                            |
| Ông Mã Ngọc Kỳ    | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 05/08/2020 |
| Ông Vũ Quang Dũng | Phó Giám đốc |                            |
| Ông Phùng Văn Đức | Phó Giám đốc |                            |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

|                       |            |  |
|-----------------------|------------|--|
| Ông Phạm Hùng Anh     | Trưởng ban |  |
| Ông Nguyễn Quang Đông | Thành viên |  |
| Ông Lữ Văn Thụ        | Thành viên |  |

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

01  
CỔ  
PH  
V  
A  
N  
102  
CỔ  
CƠ  
H  
V  
N  
L  
V  
I  
Ệ  
T  
L  
I  
Ê  
M

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Anh Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2021



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được lập ngày 09 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới thuyết minh số 29- "Số liệu so sánh", Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 căn cứ theo Biên bản Kiểm toán Nhà Nước ngày 28 tháng 05 năm 2020, chi tiết thông tin về các khoản mục điều chỉnh hồi tố theo kết quả của Kiểm toán Nhà Nước được trình bày cụ thể tại thuyết minh này.

Vấn đề cần nhấn mạnh không liên quan đến ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của Chúng tôi.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 năm 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại ngày 30 tháng 03 năm 2020.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2021

**Ngô Hoàng Hà**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

| Mã số | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | 31/12/2020             | 01/01/2020             |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
|       |  |             | VND                    | VND                    |
| 100   | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>432.778.700.185</b> | <b>415.225.354.311</b> |
| 110   | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | 3           | <b>49.727.074.029</b>  | <b>31.935.878.728</b>  |
| 111   | 1. Tiền                                      |             | 49.727.074.029         | 4.935.878.728          |
| 112   | 2. Các khoản tương đương tiền                |             | -                      | 27.000.000.000         |
| 120   | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | 4           | <b>5.170.000.000</b>   | <b>5.170.000.000</b>   |
| 123   | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           |             | 5.170.000.000          | 5.170.000.000          |
| 130   | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |             | <b>364.119.100.826</b> | <b>357.959.936.904</b> |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 5           | 361.095.128.076        | 355.261.194.334        |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          |             | 349.000.000            | 324.045.000            |
| 136   | 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 6           | 2.674.972.750          | 2.374.697.570          |
| 140   | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | 7           | <b>13.762.525.330</b>  | <b>20.159.538.679</b>  |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                              |             | 13.762.525.330         | 20.159.538.679         |
| 200   | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    |             | <b>49.014.209.337</b>  | <b>59.766.378.350</b>  |
| 210   | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         |             | <b>37.860.000</b>      | <b>37.860.000</b>      |
| 216   | 1. Phải thu dài hạn khác                     | 6           | 37.860.000             | 37.860.000             |
| 220   | <b>II. Tài sản cố định</b>                   |             | <b>18.836.934.177</b>  | <b>28.009.589.042</b>  |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 8           | 18.751.999.947         | 27.445.835.843         |
| 222   | - Nguyên giá                                 |             | 84.182.240.074         | 85.042.510.045         |
| 223   | - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                 |             | (65.430.240.127)       | (57.596.674.202)       |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình                   | 9           | 84.934.230             | 563.753.199            |
| 228   | - Nguyên giá                                 |             | 2.288.155.290          | 2.288.155.290          |
| 229   | - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                 |             | (2.203.221.060)        | (1.724.402.091)        |
| 250   | <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | 4           | <b>5.040.000.000</b>   | <b>5.040.000.000</b>   |
| 253   | 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            |             | 5.040.000.000          | 5.040.000.000          |
| 260   | <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              |             | <b>25.099.415.160</b>  | <b>26.678.929.308</b>  |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 10          | 25.099.415.160         | 26.678.929.308         |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     |             | <b>481.792.909.522</b> | <b>474.991.732.661</b> |



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN                                     | Thuyết minh | 31/12/2020             | 01/01/2020             |
|-------|---|-------------|------------------------|------------------------|
|       |   |             | VND                    | VND                    |
| 300   | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                         |             | <b>290.409.687.899</b> | <b>289.288.731.316</b> |
| 310   | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         |             | <b>290.409.687.899</b> | <b>287.365.909.157</b> |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                | 11          | 184.104.275.358        | 183.983.470.455        |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn          | 12          | 51.463.568.523         | 50.375.562.385         |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 13          | 8.808.397.310          | 6.345.383.498          |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                    |             | 36.737.170.546         | 27.722.514.030         |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                  | 14          | 1.043.336.851          | 2.128.602.888          |
| 319   | 6. Phải trả ngắn hạn khác                     | 15          | 6.636.954.951          | 14.641.056.620         |
| 322   | 7. Quỹ khen thưởng phúc lợi                   |             | 1.615.984.360          | 2.169.319.281          |
| 330   | <b>II. Nợ dài hạn</b>                         |             | -                      | <b>1.922.822.159</b>   |
| 343   | 1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ       |             | -                      | 1.922.822.159          |
| 400   | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                      |             | <b>191.383.221.623</b> | <b>185.703.001.345</b> |
| 410   | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | 16          | <b>191.383.221.623</b> | <b>185.703.001.345</b> |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                     |             | 150.000.000.000        | 150.000.000.000        |
| 411a  | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        |             | 150.000.000.000        | 150.000.000.000        |
| 418   | 2. Quỹ đầu tư phát triển                      |             | 20.686.994.576         | 20.686.994.576         |
| 421   | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          |             | 20.696.227.047         | 15.016.006.769         |
| 421a  | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước |             | 957.550.373            | 94.027.880             |
| 421b  | LNST chưa phân phối năm nay                   |             | 19.738.676.674         | 14.921.978.889         |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                    |             | <b>481.792.909.522</b> | <b>474.991.732.661</b> |

*gmkh*



Hoàng Thị Hồng Trang  
Người lập

Lê Đình Thái  
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2021

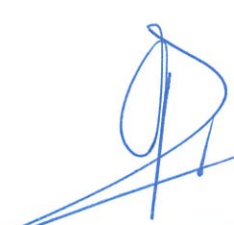
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2020

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2020              | Năm 2019              |
|-------|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
|       |  |             | VND                   | VND                   |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 18          | 262.489.274.679       | 213.570.217.963       |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                  |             | -                     | 94.002.229            |
| 10    | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ  |             | 262.489.274.679       | 213.476.215.734       |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                              | 19          | 200.799.340.248       | 150.838.955.178       |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ |             | 61.689.934.431        | 62.637.260.556        |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 20          | 1.757.992.655         | 1.039.131.608         |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                             |             | 48.018.088            | 392.526.721           |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                        |             | -                     | 43.134.294            |
| 25    | 8. Chi phí bán hàng                              |             | -                     | -                     |
| 26    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 21          | 40.263.334.690        | 43.089.487.126        |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh      |             | 23.136.574.308        | 20.194.378.317        |
| 31    | 11. Thu nhập khác                                | 22          | 2.107.420.715         | 1.623.547.233         |
| 32    | 12. Chi phí khác                                 | 23          | 441.394.179           | 1.604.439.079         |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                               |             | 1.666.026.536         | 19.108.154            |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế            |             | 24.802.600.844        | 20.213.486.471        |
| 51    | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 24          | 5.063.924.170         | 5.291.507.582         |
| 52    | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại  |             | -                     | -                     |
| 60    | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp     |             | <u>19.738.676.674</u> | <u>14.921.978.889</u> |
| 70    | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                     | 25          | 1.053                 | 808                   |



Hoàng Thị Hồng Trang  
Người lập



Lê Đình Thái  
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2021



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2020                | Năm 2019                |
|-------|--|-------------|-------------------------|-------------------------|
|       |  |             | VND                     | VND                     |
|       | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |             |                         |                         |
| 01    | <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   |             | <b>24.802.600.844</b>   | <b>20.213.486.471</b>   |
|       | <b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>   |             |                         |                         |
| 02    | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  |             | 10.030.844.972          | 10.197.361.718          |
| 05    | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  |             | (1.264.864.019)         | (1.039.131.608)         |
| 06    | - Chi phí lãi vay  |             | -                       | 43.134.294              |
| 07    | - Các khoản điều chỉnh khác  |             | (1.420.244.266)         | 41.431.992              |
| 08    | <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                          |             | <b>32.148.337.531</b>   | <b>29.456.282.867</b>   |
| 09    | - Tăng, giảm các khoản phải thu  |             | (5.865.509.593)         | 48.615.517.486          |
| 10    | - Tăng, giảm hàng tồn kho  |             | 6.397.013.349           | 2.474.543.852.608       |
| 11    | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) |             | 11.570.263.412          | (2.502.057.307.828)     |
| 12    | - Tăng, giảm chi phí trả trước   |             | 1.579.514.148           | 2.950.730.286           |
| 14    | - Tiền lãi vay đã trả  |             | -                       | (43.134.294)            |
| 15    | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  |             | (4.315.418.482)         | (6.726.805.776)         |
| 17    | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   |             | (3.823.216.317)         | (4.279.421.823)         |
| 20    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>   |             | <b>37.690.984.048</b>   | <b>42.459.713.526</b>   |
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |             |                         |                         |
| 21    | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                     |             | -                       | (133.800.000)           |
| 22    | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                  |             | 22.097.273              | -                       |
| 23    | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác  |             | -                       | (5.170.000.000)         |
| 27    | 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   |             | 949.112.417             | 738.692.951             |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   |             | <b>971.209.690</b>      | <b>(4.565.107.049)</b>  |
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |             |                         |                         |
| 33    | 1. Tiền thu từ đi vay  |             | -                       | 5.918.803.538           |
| 34    | 2. Tiền trả nợ gốc vay   |             | -                       | (5.918.803.538)         |
| 36    | 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   |             | (20.870.998.437)        | (20.892.958.334)        |
| 40    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  |             | <b>(20.870.998.437)</b> | <b>(20.892.958.334)</b> |
| 50    | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   |             | <b>17.791.195.301</b>   | <b>17.001.648.143</b>   |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU                          | Thuyết minh | Năm 2020       | Năm 2019       |
|-------|-----------------------------------|-------------|----------------|----------------|
|       |                                   |             | VND            | VND            |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu năm  |             | 31.935.878.728 | 14.934.230.585 |
| 70    | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3           | 49.727.074.029 | 31.935.878.728 |

*gms*

*[Signature]*



*[Signature]*

**Hoàng Thị Hồng Trang**  
Người lập

**Lê Đình Thái**  
Kế toán trưởng

**Vũ Anh Tuấn**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2021

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 17 tháng 10 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 150.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 150.000.000.000 đồng; tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 473 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 471 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan.
- Kinh doanh vật tư máy móc;
- Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Tư vấn, thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình);
- Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp;
- Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Đại lý kinh doanh viễn thông;
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.



**Cấu trúc doanh nghiệp****Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

| <b>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</b>   | <b>Địa chỉ</b> | <b>Hoạt động kinh doanh chính</b>                               |
|--|----------------|---|
| Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam                                | Cà Mau         | Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn |
| Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam                            | Đồng Nai       | Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn |
| Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam                               | Hà Tĩnh        | Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm Thí nghiệm điện | Đà Nẵng        | Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện         |

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

#### 2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

#### 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 06 năm      |
| - Máy móc, thiết bị               | 05-07 năm   |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 07 năm |
| - Phần mềm quản lý                | 03 - 05 năm |



## 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc phân phối lợi nhuận.

10/12/2020

10/12/2020

## 2.14 . Doanh thu

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

## 2.17 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.



**2.18 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.19 . Thông tin bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là sửa chữa các nhà máy điện và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                 | 31/12/2020            | 01/01/2020            |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                 | VND                   | VND                   |
| Tiền mặt                        | 493.909.736           | 270.616.436           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 49.233.164.293        | 4.665.262.292         |
| Các khoản tương đương tiền      | -                     | 27.000.000.000        |
|                                 | <b>49.727.074.029</b> | <b>31.935.878.728</b> |

Tại ngày 31/12/2020, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty bao gồm 293.295.662 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 27.879.279 đồng) gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương Việt Nam (Oceanbank) đang tạm ngừng giao dịch. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**Báo cáo tài chính**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|                      | 31/12/2020     |                 | 01/01/2020     |                 |
|----------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
|                      | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| Đầu tư ngắn hạn      | 5.170.000.000  | -               | 5.170.000.000  | -               |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | 5.170.000.000  | -               | 5.170.000.000  | -               |
|                      | 5.170.000.000  | -               | 5.170.000.000  | -               |

Tại ngày 31/12/2020 và tại ngày 31/12/2019, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng có giá trị 5.170.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương với lãi suất 4,85%/năm. Khoản tiền này đang tạm ngừng giao dịch và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|   | 31/12/2020     |                 | 01/01/2020     |                 |
|---|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
|   | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| - Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí | 5.040.000.000  | -               | 5.040.000.000  | -               |
|   | 5.040.000.000  | -               | 5.040.000.000  | -               |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào đơn vị khác**

| Tên Công ty   | Nơi thành lập và hoạt động |  | Tỷ lệ lợi ích |  | Tỷ lệ biểu quyết |  | Hoạt động kinh doanh chính                                      |
|---|----------------------------|--|---------------|--|------------------|--|---|
|   | Hà Nội                     |  | 11,90%        |  | 11,90%           |  |   |
| - Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí |                            |  |               |  |                  |  | Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa, năng lượng sạch |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

|   | 31/12/2020             |          | 01/01/2020             |          |
|---|------------------------|----------|------------------------|----------|
|   | Giá trị                | Dự phòng | Giá trị                | Dự phòng |
|   | VND                    | VND      | VND                    | VND      |
| <b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b> |                        |          |                        |          |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (*)                                 | 188.865.752.386        | -        | 194.277.260.058        | -        |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2                           | 136.778.483.483        | -        | 111.227.827.158        | -        |
| Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh  | 9.954.476.572          | -        | 28.411.205.916         | -        |
| Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau   | 21.593.070.206         | -        | 15.417.426.318         | -        |
| Phải thu khách hàng khác  | 3.903.345.429          | -        | 5.927.474.884          | -        |
|   | <b>361.095.128.076</b> | <b>-</b> | <b>355.261.194.334</b> | <b>-</b> |
| <b>b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>            |                        |          |                        |          |
|   | <b>357.385.617.570</b> | <b>-</b> | <b>350.177.024.563</b> | <b>-</b> |

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28)

(\*) Khoản phải thu Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch với số dư tại thời điểm 31/12/2020 là 188,8 tỷ đồng trong đó 172,2 tỷ đồng tương đương với 6.651.961 EUR (tại ngày 31/12/2019: 172,2 tỷ đồng tương đương với 6.651.961 EUR) liên quan đến phụ lục số 38 ngày 07 tháng 06 năm 2017 của hợp đồng số 38/PVP - PVPS/2010/LTMA-NT1 ngày 04 tháng 08 năm 2010, về việc cung cấp vật tư MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1, theo đó chủ đầu tư và Công ty đang thực hiện các thủ tục bàn giao vật tư buy back liên quan đến hợp đồng nêu trên và khoản phải thu trên sẽ được quyết toán khi hai bên hoàn tất trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 11- Phải trả người bán ngắn hạn)

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

|   | 31/12/2020           |          | 01/01/2020           |          |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
|   | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
|   | VND                  | VND      | VND                  | VND      |
| Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia | 201.600.000          | -        | -                    | -        |
| Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay    | 92.054.329           | -        | -                    | -        |
| Phải thu về bảo hiểm xã hội               | -                    | -        | 8.295.071            | -        |
| Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp          | 49.824.663           | -        | -                    | -        |
| Tạm ứng                                   | 2.011.461.020        | -        | 1.414.519.319        | -        |
| Ký cược, ký quỹ                           | 147.447.875          | -        | 147.447.875          | -        |
| Phải thu khác                             | 172.584.863          | -        | 804.435.305          | -        |
|   | <b>2.674.972.750</b> | <b>-</b> | <b>2.374.697.570</b> | <b>-</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ  
Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**7 . HÀNG TỒN KHO**

|   | 31/12/2020            |          | 01/01/2020            |          |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|   | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
|   | VND                   | VND      | VND                   | VND      |
| Nguyên liệu, vật<br>liệu                    | -                     | -        | 1.440.024.167         | -        |
| Chi phí sản xuất<br>kinh doanh dở<br>dang   | 13.762.525.330        | -        | 18.719.514.512        | -        |
| <i>Trong đó:</i>                            |                       |          |                       |          |
| <i>Nhà máy điện<br/>Nhơn Trạch 2</i>        | 4.594.736.911         | -        | 4.860.705.655         | -        |
| <i>Nhà máy điện<br/>Formosa Hà<br/>Tĩnh</i> | 321.298.258           | -        | 5.961.081.490         | -        |
| <i>Dự án nhiệt<br/>điện Thái Bình<br/>2</i> | 7.085.595.424         | -        | 7.085.595.424         | -        |
| <i>Các dự án khác</i>                       | 1.760.894.737         | -        | 812.131.943           | -        |
|   | <b>13.762.525.330</b> | <b>-</b> | <b>20.159.538.679</b> | <b>-</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC ĐÀU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                               | Nhà cửa, vật kiến trúc |                       | Máy móc, thiết bị     |                       | Phương tiện vận tải, truyền dẫn |     | Thiết bị, dụng cụ quản lý |     | Cộng |     |
|-------------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------|-----|---------------------------|-----|------|-----|
|                               | VND                    | VND                   | VND                   | VND                   | VND                             | VND | VND                       | VND | VND  | VND |
| <b>Nguyên giá</b>             |                        |                       |                       |                       |                                 |     |                           |     |      |     |
| Số dư đầu năm                 | 1.334.200.000          | 39.853.110.714        | 18.717.128.728        | 25.138.070.603        | 85.042.510.045                  |     |                           |     |      |     |
| - Mua trong năm               | -                      | 731.423.000           | -                     | 167.920.000           | 899.343.000                     |     |                           |     |      |     |
| - Thanh lý, nhượng bán        | -                      | (88.151.000)          | -                     | (1.671.461.971)       | (1.759.612.971)                 |     |                           |     |      |     |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>1.334.200.000</b>   | <b>40.496.382.714</b> | <b>18.717.128.728</b> | <b>23.634.528.632</b> | <b>84.182.240.074</b>           |     |                           |     |      |     |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                        |                       |                       |                       |                                 |     |                           |     |      |     |
| Số dư đầu năm                 | 866.206.066            | 23.664.371.325        | 14.608.221.533        | 18.457.875.278        | 57.596.674.202                  |     |                           |     |      |     |
| - Khấu hao trong năm          | 196.522.369            | 4.514.042.489         | 1.766.992.725         | 3.115.621.313         | 9.593.178.896                   |     |                           |     |      |     |
| - Thanh lý, nhượng bán        | -                      | (88.151.000)          | -                     | (1.671.461.971)       | (1.759.612.971)                 |     |                           |     |      |     |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>1.062.728.435</b>   | <b>28.090.262.814</b> | <b>16.375.214.258</b> | <b>19.902.034.620</b> | <b>65.430.240.127</b>           |     |                           |     |      |     |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                        |                       |                       |                       |                                 |     |                           |     |      |     |
| Tại ngày đầu năm              | 467.993.934            | 16.188.739.389        | 4.108.907.195         | 6.680.195.325         | 27.445.835.843                  |     |                           |     |      |     |
| <b>Tại ngày cuối năm</b>      | <b>271.471.565</b>     | <b>12.406.119.900</b> | <b>2.341.914.470</b>  | <b>3.732.494.012</b>  | <b>18.751.999.947</b>           |     |                           |     |      |     |

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.128.310.455 đồng.



21



9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2020 lần lượt là 2.288.155.290 đồng và 2.203.221.060 đồng. Khấu hao trong năm là 478.818.969 đồng. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.045.858.290 đồng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

|                                    | 31/12/2020            | 01/01/2020            |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                    | VND                   | VND                   |
| Chi phí thuê văn phòng dài hạn (*) | 23.491.842.400        | 24.119.686.741        |
| Chi phí trả trước dài hạn khác     | 1.607.572.760         | 2.559.242.567         |
|                                    | <b>25.099.415.160</b> | <b>26.678.929.308</b> |

(\*) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 đồng. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|   | 31/12/2020             |                        | 01/01/2020             |                        |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|   | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  |
|   | VND                    | VND                    | VND                    | VND                    |
| <b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b> |                        |                        |                        |                        |
| General Electric  | 174.909.903.158        | 174.909.903.158        | 176.523.564.151        | 176.523.564.151        |
| Global Parts and Products GMBJ (*)                                |                        |                        |                        |                        |
| Phải trả các đối tượng khác                                       | 9.194.372.200          | 9.194.372.200          | 7.459.906.304          | 7.459.906.304          |
|   | <b>184.104.275.358</b> | <b>184.104.275.358</b> | <b>183.983.470.455</b> | <b>183.983.470.455</b> |

(\*) Tại 31/12/2020, số dư phải trả General Electric Global Parts and Products GMBH bao gồm 172.448.447.982 đồng tương đương với 6.651.961 EUR (tại 31/12/2019: 172.448.447.982 đồng tương đương với 6.651.961 EUR) liên quan đến hợp đồng cung cấp vật tư thể hệ MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1. Công ty đang thực hiện các thủ tục bàn giao vật tư buy back liên quan đến hợp đồng nêu trên và khoản phải trả trên sẽ được quyết toán và bù trừ với khoản phải thu Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch. ( xem thông tin tại thuyết minh số 5).

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

|   | 31/12/2020            | 01/01/2020            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| a) <b>Người mua trả tiền theo đối tượng lớn</b>   |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2   | 49.466.276.435        | 49.466.276.435        |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác  | 1.997.292.088         | 909.285.950           |
|   | <b>51.463.568.523</b> | <b>50.375.562.385</b> |
| b) <b>Trong đó, Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b><br>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28) | <b>49.760.591.435</b> | <b>49.973.891.435</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                            | Số phải thu đầu năm |                      | Số phải nộp đầu năm   |                       | Số phải nộp trong năm |     | Số đã thực nộp trong năm |     | Số phải thu cuối năm |     | Số phải nộp cuối năm |     |
|----------------------------|---------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----|--------------------------|-----|----------------------|-----|----------------------|-----|
|                            | VND                 | VND                  | VND                   | VND                   | VND                   | VND | VND                      | VND | VND                  | VND | VND                  | VND |
| Thuế Giá trị gia tăng      | -                   | 3.594.193.741        | 20.423.759.895        | 18.748.135.905        | -                     | -   | 5.269.817.731            | -   | -                    | -   | -                    | -   |
| Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu  | -                   | -                    | 11.942.356            | 11.942.356            | -                     | -   | -                        | -   | -                    | -   | -                    | -   |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | -                   | 2.252.268.903        | 5.063.924.170         | 4.315.418.482         | -                     | -   | 3.000.774.591            | -   | -                    | -   | -                    | -   |
| Thuế Thu nhập cá nhân      | -                   | 498.920.854          | 2.024.083.320         | 1.985.199.186         | -                     | -   | 537.804.988              | -   | -                    | -   | -                    | -   |
| Các loại thuế khác         | -                   | -                    | 6.000.000             | 6.000.000             | -                     | -   | -                        | -   | -                    | -   | -                    | -   |
|                            | -                   | <b>6.345.383.498</b> | <b>27.529.709.741</b> | <b>25.066.695.929</b> | -                     | -   | <b>8.808.397.310</b>     | -   | -                    | -   | -                    | -   |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ  
Liên, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|  | <u>31/12/2020</u>           | <u>01/01/2020</u>           |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
|  | VND                         | VND                         |
| - Trích trước chi phí đào tạo tay nghề | 804.883.430                 | -                           |
| - Trích trước chi phí bảo hiểm         | -                           | 1.260.974.150               |
| - Chi phí phải trả khác                | 238.453.421                 | 867.628.738                 |
|  | <u><b>1.043.336.851</b></u> | <u><b>2.128.602.888</b></u> |

**15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                                     | <u>31/12/2020</u>           | <u>01/01/2020</u>            |
|-------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                     | VND                         | VND                          |
| - Kinh phí công đoàn                | 272.078.599                 | 269.350.682                  |
| - Bảo hiểm xã hội                   | 57.837.209                  | 330.351.567                  |
| - Bảo hiểm y tế                     | 62.465.578                  | 123.548.859                  |
| - Bảo hiểm thất nghiệp              | -                           | 6.290.730                    |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn     | 9.750.000                   | 9.750.000                    |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả        | 517.736.355                 | 10.138.734.792               |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 5.717.087.210               | 3.763.029.990                |
|                                     | <u><b>6.636.954.951</b></u> | <u><b>14.641.056.620</b></u> |

150  
Y  
N  
HUAT  
U KHÍ  
M  
PHÁ

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                             | Vốn đầu tư của chủ sở hữu |     | Quý đầu tư phát triển |     | Lợi nhuận chưa phân phối |     | Cộng                   |
|-----------------------------|---------------------------|-----|-----------------------|-----|--------------------------|-----|------------------------|
|                             | VND                       | VND | VND                   | VND | VND                      | VND |                        |
| Số dư đầu năm trước         | 150.000.000.000           |     | 20.686.994.576        |     | 16.731.089.648           |     | 187.418.084.224        |
| Lãi trong năm trước         | -                         |     | -                     |     | 14.921.978.889           |     | 14.921.978.889         |
| Phân phối lợi nhuận         | -                         |     | -                     |     | (16.637.061.768)         |     | (16.637.061.768)       |
| <b>Số dư cuối năm trước</b> | <b>150.000.000.000</b>    |     | <b>20.686.994.576</b> |     | <b>15.016.006.769</b>    |     | <b>185.703.001.345</b> |
| Số dư đầu năm nay           | 150.000.000.000           |     | 20.686.994.576        |     | 15.016.006.769           |     | 185.703.001.345        |
| Lãi trong năm nay           | -                         |     | -                     |     | 19.738.676.674           |     | 19.738.676.674         |
| Phân phối lợi nhuận         | -                         |     | -                     |     | (14.058.456.396)         |     | (14.058.456.396)       |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>   | <b>150.000.000.000</b>    |     | <b>20.686.994.576</b> |     | <b>20.696.227.047</b>    |     | <b>191.383.221.623</b> |

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 94/NQ - ĐHCĐ - DVKT ngày 20/05/2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

|  | Số tiền        | Tỷ lệ (%) | Đầu năm                | Tỷ lệ (%)   |
|--|----------------|-----------|------------------------|-------------|
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi        | VND            |           | VND                    |             |
| Chi trả cổ tức (bằng 7,5% vốn điều lệ) | 2.808.456.396  |           | 76.500.000.000         | 51,00%      |
|  | 11.250.000.000 |           | 27.000.000.000         | 18,00%      |
|  |                |           | 46.500.000.000         | 31,00%      |
|  |                |           | <b>150.000.000.000</b> | <b>100%</b> |

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|   | Cuối năm               | Tỷ lệ (%)   | Đầu năm                | Tỷ lệ (%)   |
|---|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
|   | VND                    |             | VND                    |             |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 76.500.000.000         | 51,00%      | 76.500.000.000         | 51,00%      |
| TYTL Power Service Sdn. Bhd.                  | 27.000.000.000         | 18,00%      | 27.000.000.000         | 18,00%      |
| Các cổ đông khác                              | 46.500.000.000         | 31,00%      | 46.500.000.000         | 31,00%      |
|   | <b>150.000.000.000</b> | <b>100%</b> | <b>150.000.000.000</b> | <b>100%</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

|   | Năm 2020                | Năm 2019                |
|---|-------------------------|-------------------------|
|   | VND                     | VND                     |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu                           | 150.000.000.000         | 150.000.000.000         |
| - Vốn góp đầu năm                                   | <u>150.000.000.000</u>  | <u>150.000.000.000</u>  |
| - Vốn góp cuối năm                                  | <u>150.000.000.000</u>  | <u>150.000.000.000</u>  |
| Cổ tức, lợi nhuận:                                  |                         |                         |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm                | 10.138.734.792          | 16.731.693.126          |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm              | 11.250.000.000          | 14.300.000.000          |
| + Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay | 11.250.000.000          | 14.300.000.000          |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền            | (20.870.998.437)        | (20.892.958.334)        |
| + Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước   | <u>(20.870.998.437)</u> | <u>(20.892.958.334)</u> |
| - Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm           | <u>517.736.355</u>      | <u>10.138.734.792</u>   |

**d) Cổ phiếu**

|  | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành              | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 15.000.000 | 15.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                             | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                  | 15.000.000 | 15.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                             | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)            | 10.000     | 10.000     |

**e) Các quỹ công ty**

|                       | 31/12/2020            | 01/01/2020            |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                       | VND                   | VND                   |
| Quỹ đầu tư phát triển | 20.686.994.576        | 20.686.994.576        |
|                       | <u>20.686.994.576</u> | <u>20.686.994.576</u> |

**17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

**b) Ngoại tệ các loại**

|                       | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|-----------------------|------------|------------|
| - Đồng đô la Mỹ (USD) | 1,49       | 176,75     |
| - Đồng Euro (EUR)     | 1.065,02   | 1.081,39   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ  
Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|   | Năm 2020               | Năm 2019               |
|---|------------------------|------------------------|
|   | VND                    | VND                    |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ  | 262.489.274.679        | 213.570.217.963        |
|   | <u>262.489.274.679</u> | <u>213.570.217.963</u> |
| Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan<br>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28) | <u>237.847.492.599</u> | <u>201.176.051.550</u> |

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                                 | Năm 2020               | Năm 2019               |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                 | VND                    | VND                    |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 200.799.340.248        | 150.838.955.178        |
|                                 | <u>200.799.340.248</u> | <u>150.838.955.178</u> |

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|   | Năm 2020             | Năm 2019             |
|---|----------------------|----------------------|
|   | VND                  | VND                  |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay                 | 1.041.166.746        | 787.131.608          |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia               | 201.600.000          | 252.000.000          |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 515.225.909          | -                    |
|   | <u>1.757.992.655</u> | <u>1.039.131.608</u> |

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                  | Năm 2020              | Năm 2019              |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                  | VND                   | VND                   |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 1.660.030.297         | 3.101.164.739         |
| Chi phí nhân công                | 26.157.875.935        | 27.314.096.097        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.642.087.811         | 1.567.445.780         |
| Thuế, phí, lệ phí                | 53.446.697            | 72.226.415            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 6.215.131.112         | 5.882.140.057         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 4.534.762.838         | 5.152.414.038         |
|                                  | <u>40.263.334.690</u> | <u>43.089.487.126</u> |

**22 . THU NHẬP KHÁC**

|  | Năm 2020             | Năm 2019             |
|--|----------------------|----------------------|
|  | VND                  | VND                  |
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 22.097.273           | -                    |
| Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ      | 1.420.244.266        | -                    |
| Tiền phạt thu được                               | 369.857.803          | 211.186.530          |
| Thu nhập khác                                    | 295.221.373          | 1.412.360.703        |
|  | <u>2.107.420.715</u> | <u>1.623.547.233</u> |

**23 . CHI PHÍ KHÁC**

|                         | Năm 2020           | Năm 2019             |
|-------------------------|--------------------|----------------------|
|                         | VND                | VND                  |
| Tiền phạt hợp đồng      | 87.200.878         | 467.228.417          |
| Tiền phạt chậm nộp thuế | 354.193.301        | 261.441.158          |
| Thuế GTGT phải nộp      | -                  | 108.336.441          |
| Chi phí khác            | -                  | 767.433.063          |
|                         | <b>441.394.179</b> | <b>1.604.439.079</b> |

**24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|  | Năm 2020             | Năm 2019             |
|--|----------------------|----------------------|
|  | VND                  | VND                  |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 24.802.600.844       | 20.213.486.471       |
| Các khoản điều chỉnh tăng  | 576.595.578          | 3.582.728.708        |
| - Chi phí không hợp lệ   | 576.595.578          | 3.582.728.708        |
| Các khoản điều chỉnh giảm  | (1.786.289.839)      | (1.289.439.414)      |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia  | (201.600.000)        | (252.000.000)        |
| - Thu nhập khác hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ                                      | (1.420.244.266)      | -                    |
| - Thu nhập chịu thuế theo quyết toán năm trước   | (164.445.573)        | (1.037.439.414)      |
| Thu nhập chịu thuế TNDN theo mức thuế suất 20%   | 23.592.906.583       | 22.506.775.765       |
| Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | 32.889.115           | 790.152.429          |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>   | <b>4.751.470.431</b> | <b>5.291.507.582</b> |
| Thu nhập chịu thuế TNDN từ hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ                           | 1.420.244.266        | -                    |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)</b>   | <b>312.453.739</b>   | <b>-</b>             |
| <b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>  | <b>5.063.924.170</b> | <b>5.291.507.582</b> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm  | 2.252.268.903        | 3.687.567.097        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm  | (4.315.418.482)      | (6.726.805.776)      |
| <b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>   | <b>3.000.774.591</b> | <b>2.252.268.903</b> |



**25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

|   | Năm 2020        | Năm 2019        |
|---|-----------------|-----------------|
|   | VND             | VND             |
| Lợi nhuận thuần sau thuế  | 19.738.676.674  | 14.921.978.889  |
| Các khoản điều chỉnh:   | (3.947.735.335) | (2.808.456.396) |
| - Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*) | (3.947.735.335) | (2.808.456.396) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông                        | 15.790.941.339  | 12.113.522.493  |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm                 | 15.000.000      | 15.000.000      |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                 | <b>1.053</b>    | <b>808</b>      |

(\*) Công ty tạm tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 bằng 20% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 20/05/2020.

**26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | Năm 2020               | Năm 2019               |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                  | VND                    | VND                    |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 6.676.627.345          | 8.910.602.168          |
| Chi phí nhân công                | 146.027.836.735        | 125.891.524.644        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 10.030.844.972         | 10.197.361.718         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 31.229.574.908         | 43.502.703.035         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 42.140.801.796         | 12.605.384.935         |
|                                  | <b>236.105.685.756</b> | <b>201.107.576.500</b> |

**27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ/DVKT-HĐQT ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) như sau:

- Tổng số cổ phần chuyển nhượng: 504.000 cổ phần (toàn bộ số cổ phần PAIC Công ty đang nắm giữ);
- Hình thức chuyển nhượng: theo giá thỏa thuận được thực hiện thông qua hợp đồng chuyển nhượng cổ phần;
- Giá trị chuyển nhượng: 10.503 đồng/cổ phần.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

| <b>Bên liên quan</b>                                     | <b>Mối quan hệ</b>           |
|--|------------------------------|
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)         | Công ty mẹ                   |
| Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)     | Đơn vị trực thuộc công ty mẹ |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower) | Đơn vị trực thuộc công ty mẹ |
| Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)    | Đơn vị trực thuộc công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2            | Cùng Công ty mẹ              |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrink                       | Cùng Công ty mẹ              |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na                         | Cùng Công ty mẹ              |

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

|   | Năm 2020               | Năm 2019               |
|---|------------------------|------------------------|
|   | VND                    | VND                    |
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>237.847.492.599</b> | <b>201.176.051.550</b> |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch           | 33.014.856.989         | 31.591.482.866         |
| Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau               | 69.871.366.276         | 54.477.485.531         |
| Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh              | 75.525.048.198         | 63.953.333.175         |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 55.911.949.809         | 44.818.833.106         |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na              | 2.951.264.050          | 6.334.916.872          |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrink            | 573.007.277            | -                      |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>           | <b>-</b>               | <b>94.002.229</b>      |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch           | -                      | 94.002.229             |
| <b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>                   | <b>675.893.257</b>     | <b>986.317.301</b>     |
| Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau               | 523.900.000            | 861.809.658            |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch           | 151.993.257            | 124.507.643            |





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

|   | 31/12/2020             | 01/01/2020             |
|---|------------------------|------------------------|
|   | VND                    | VND                    |
| <b>Phải thu khách hàng</b>                    | <b>357.385.617.570</b> | <b>350.177.024.563</b> |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch           | 188.865.752.386        | 194.277.260.058        |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 136.778.483.483        | 111.227.827.158        |
| Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh              | 9.954.476.572          | 28.411.205.916         |
| Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau               | 21.593.070.206         | 15.417.426.318         |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrin             | 31.515.400             | 88.470.553             |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na              | 162.319.523            | 754.834.560            |
| <b>Người mua trả tiền trước</b>               | <b>49.760.591.435</b>  | <b>49.973.891.435</b>  |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 49.466.276.435         | 49.466.276.435         |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam        | 294.315.000            | 294.315.000            |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrin             | -                      | 213.300.000            |

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

|  | Năm 2020      | Năm 2019      |
|--|---------------|---------------|
|  | VND           | VND           |
| Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị | 4.938.926.447 | 3.061.256.684 |

**29 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán.

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 căn cứ theo biên bản kiểm toán Nhà Nước ngày 28 tháng 05 năm 2020. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2019 được điều chỉnh cụ thể như sau:

|                                     | Mã số | Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước<br>VND | Số liệu điều chỉnh lại<br>VND | Chênh lệch<br>VND | Ghi chú |
|-------------------------------------|-------|---|-------------------------------|-------------------|---------|
| <b>a) Bảng Cân đối kế toán</b>      |       |   |                               |                   |         |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng    | 131   | 355.100.473.774                                 | 355.261.194.334               | 160.720.560       | (1)     |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn    | 132   | 892.461.121                                     | 324.045.000                   | (568.416.121)     | (2)     |
| Phải thu ngắn hạn khác              | 136   | 1.952.907.150                                   | 2.374.697.570                 | 421.790.420       | (3)     |
| Hàng tồn kho                        | 141   | 18.909.997.680                                  | 20.159.538.679                | 1.249.540.999     | (4)     |
| Tài sản cố định vô hình             | 227   | 133.393.626                                     | 563.753.199                   | 430.359.573       | (5)     |
| Phải trả người bán ngắn hạn         | 311   | 184.551.886.576                                 | 183.983.470.455               | (568.416.121)     | (2)     |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313   | 4.962.668.852                                   | 6.345.383.498                 | 1.382.714.646     | (3,6)   |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối   | 421   | 14.136.309.863                                  | 15.016.006.769                | 879.696.906       | (7)     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

|  | Mã số | Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước<br>VND | Số liệu điều chỉnh lại<br>VND | Chênh lệch<br>VND | Ghi chú |
|--|-------|---|-------------------------------|-------------------|---------|
| <b>b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>   |       |   |                               |                   |         |
| Giá vốn hàng bán   | 11    | 152.088.496.177                                 | 150.838.955.178               | (1.249.540.999)   | (4)     |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp   | 26    | 43.161.213.722                                  | 43.089.487.126                | (71.726.596)      |         |
| Thu nhập khác  | 31    | 386.927.742                                     | 1.623.547.233                 | 1.236.619.491     | (1,5)   |
| Chi phí khác   | 32    | 887.173.125                                     | 1.604.439.079                 | 717.265.954       | (5)     |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | 4.330.583.356                                   | 5.291.507.582                 | 960.924.226       | (6)     |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp   | 60    | 14.042.281.983                                  | 14.921.978.889                | 879.696.906       | (7)     |
| <b>c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ</b>   |       |   |                               |                   |         |
| Lợi nhuận trước thuế   | 01    | 18.372.865.339                                  | 20.213.486.471                | 1.840.621.132     | (7)     |
| Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02    | 10.627.721.291                                  | 10.197.361.718                | (430.359.573)     | (5)     |
| Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09    | 48.629.612.345                                  | 48.615.517.486                | (14.094.859)      | (1,2,3) |
| Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10    | 2.475.793.393.607                               | 2.474.543.852.608             | (1.249.540.999)   | (4)     |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    | (2.501.910.682.127)                             | (2.502.057.307.828)           | (146.625.701)     | (2)     |

- (1) Ghi nhận bổ sung phải thu tiền phạt vi phạm hợp đồng;
- (2) Bù trừ công nợ khi lập báo cáo tài chính;
- (3) Tăng phải thu khác và thuế thu nhập cá nhân do Công ty chưa kê khai đầy đủ các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân năm 2019;
- (4) Tăng hàng tồn kho cho ban chuẩn bị sản xuất dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2;
- (5) Tăng nguyên giá và hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình do ghi nhận bổ sung tài sản đủ điều kiện tăng tài sản cố định vô hình;
- (6) Thuế Thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân tăng do ảnh hưởng bởi các điều chỉnh trên;
- (7) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thay đổi do ảnh hưởng bởi các điều chỉnh trên.

*gmsb*

*[Signature]*



**Hoàng Thị Hồng Trang**  
Người lập

**Lê Đình Thái**  
Kế toán trưởng

**Vũ Anh Tuấn**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2021

Số: 40 /NQ/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

## NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý I/2020 của Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam  
(Phiên họp ngày 25/3/2020)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý I năm 2020 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại phiên họp ngày 25/3/2020,

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất các nội dung sau:

**1. Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Quý I năm 2020**

Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Quý I năm 2020 như sau:

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu chính       | Ước thực hiện<br>Quý 1/2020 | Tỷ lệ ước thực hiện/<br>kế hoạch |
|----------------------|-----------------------------|----------------------------------|
| Tổng doanh thu       | 50.84                       | 114.43%                          |
| Tổng chi phí         | 47.9                        | 114.31%                          |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.94                        | 116.44%                          |

Trong Quý II năm 2020 Công ty cần quyết liệt triển khai việc chuẩn bị đấu thầu Cà Mau 1 dự kiến diễn ra vào tháng 8/2020 và ký lại Hợp đồng BDSC thường xuyên NMD-Vũng Áng 1 vào tháng 10/2020 đồng thời tập trung triển khai kịp thời các nội dung công việc khác theo kế hoạch đã đề ra.

**Điều 2.** Sau khi xem xét các báo cáo, Hội đồng Quản trị yêu cầu Ban điều hành hoàn thiện ngay một số vấn đề sau:

**1. Tình hình thu hồi công nợ của Chi nhánh Đà Nẵng:**

Trên cơ sở báo cáo số 157/CV-DVKT-TCKT ngày 20/3/2020 của Giám đốc Công ty, Hội đồng Quản trị yêu cầu Chi nhánh Đà Nẵng cần tập trung thu hồi công nợ, đặc biệt là công nợ tại Nhà máy thủy điện Đăkđrinh. Yêu cầu Chi nhánh Đà Nẵng hoàn thành trong tháng 4/2020. Đặc biệt lưu ý trong vấn đề thu hồi vốn, tránh rủi ro tài chính tại cả các hợp đồng khác của Công ty.

**2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tại PAIC, xem xét thực hiện thoái vốn góp của PV Power Services tại PAIC:**

Hội đồng Quản trị thống nhất chủ trương báo cáo cổ đông chi phối PV Power về việc khó khăn trong thực hiện thoái vốn khỏi PAIC đồng thời tiếp tục tìm kiếm người mua quan tâm để có thể chuyển nhượng cổ phần tại PAIC.

**3. Về thực hiện Quy chế lương hiện hành của Công ty:**

Trên cơ sở Báo cáo số 162/BC-DVKT.TH ngày 24/3/2020 của Giám đốc Công ty, Hội đồng Quản trị tán thành các nội dung:

- Yêu cầu các đơn vị trong Công ty nghiêm túc thực hiện việc áp dụng đơn giá tiền lương vị trí và tiền lương hiệu quả thống nhất trong toàn Công ty.
- Công ty cần xem xét điều chỉnh xếp lương cho CBCNV Công ty trong kỳ họp Hội đồng lương hàng năm dự kiến vào tháng 6/2020.
- Hoàn thiện cơ chế trả lương cho lao động kinh doanh phát triển dịch vụ để phát triển mạnh hơn nữa công tác dịch vụ ngoài.
- Các nội dung đề xuất còn lại tại Báo cáo số 162/BC-DVKT.TH ngày 24/3/2020 sẽ được HĐQT xem xét, có ý kiến trước ngày 15/4/2020.

**4. Công tác chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên năm 2020:**

Yêu cầu các bộ phận liên quan sát sao thực hiện các công việc chi tiết được giao đảm bảo tiến độ theo quy định. Hoàn thành các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông trước ngày 01/4/2020.

**5. Công tác đào tạo nội bộ:**

Giao Ban điều hành cho rà soát và triển khai xây dựng cơ chế chính sách đào tạo tay nghề nội bộ Công ty, trong đó tập trung vào các điểm chính yếu như sau: (i) xây dựng giáo án, giáo trình phù hợp với công việc của PVPS; (ii) chuẩn bị đầy đủ CCDC, vật tư, thiết bị phục vụ đào tạo thực tế và thực

10256  
CÔNG  
CƠ PH  
H VỤ KỶ  
N LỰC D  
VIỆT N  
Ư LIÊM



hành, đặc biệt đối với lao động kỹ thuật làm việc trực tiếp tại thiết bị; (iii) có chế độ thù lao thỏa đáng để động viên những NLD tham gia vào quá trình đào tạo nội bộ.

**Điều 3.** Giao Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chỉ đạo các Phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này tuân thủ các Quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành.

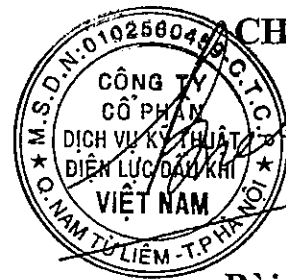
**Điều 4.** Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 4;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, TK HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Bùi Duy Nhị**



Số: 120 /NQ/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2020

## NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý II/2020 của Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam  
(Phiên họp ngày 14/7/2020)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý II năm 2020 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại phiên họp ngày 14/7/2020,

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất nội dung sau:

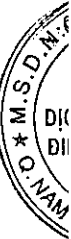
**1. Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020:**

Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu chính       | Ước thực hiện<br>6 tháng đầu năm 2020 | Tỷ lệ ước thực hiện/<br>kế hoạch |
|----------------------|---------------------------------------|----------------------------------|
| Tổng doanh thu       | 91.82                                 | 89.62%                           |
| Tổng chi phí         | 84.80                                 | 89.27%                           |
| Lợi nhuận trước thuế | 7.02                                  | 94.1%                            |

Trong Quý III năm 2020 Công ty cần tập trung triển khai kịp thời các nội dung công việc phục vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ và thường xuyên tại các nhà máy điện theo kế hoạch đã đề ra.



Giao Ban điều hành rà soát lại kế hoạch doanh thu, chi phí năm 2020 của Công ty và báo cáo HĐQT ngay sau khi có kết quả thu hồi công nợ Nhon Trach 2.

**Điều 2.** Sau khi xem xét các báo cáo, Hội đồng Quản trị yêu cầu Ban điều hành hoàn thiện ngay một số vấn đề sau:

**1. Tình hình sử dụng Quỹ khoa học công nghệ của Công ty:**

Trên cơ sở báo cáo số 392/BC-DVKT ngày 06/7/2020 của Giám đốc Công ty, Hội đồng Quản trị yêu cầu Giám đốc chỉ đạo các bộ phận chức năng tập trung tìm kiếm, đề xuất giải pháp sử dụng Quỹ khoa học công nghệ hiệu quả, báo cáo Hội đồng Quản trị kết quả thực hiện trước ngày 30/9/2020.

**2. Xây dựng cơ chế chính sách đào tạo tay nghề nội bộ Công ty và cơ chế chính sách tiền lương chuyên gia:**

Trên cơ sở báo cáo số 392/BC-DVKT ngày 06/7/2020 của Giám đốc Công ty, HĐQT giao Giám đốc Công ty chỉ đạo bộ phận chức năng xây dựng Cơ chế chính sách đào tạo tay nghề nội bộ của Công ty và trình Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt trước ngày 30/8/2020.

Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo bộ phận chức năng xây dựng cơ chế chính sách tiền lương chuyên gia, trình Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt trước ngày 30/9/2020.

**3. Xử lý các vấn đề tồn tại của Hợp đồng Nhon Trach 2:**

Trên cơ sở báo cáo số 392/BC-DVKT ngày 06/7/2020 của Giám đốc Công ty và nghe các ý kiến tại cuộc họp, HĐQT giao Giám đốc Công ty tích cực làm việc với PV Power Nhon Trach 2 để sớm giải quyết dứt điểm công nợ của Hợp đồng 68/2011/PVPOWERNT2-PVPS.

**4. Tình hình thu hồi công nợ tại Chi nhánh Đà Nẵng:**

Trên cơ sở báo cáo số 392/BC-DVKT ngày 06/7/2020 của Giám đốc Công ty và các ý kiến tại cuộc họp, HĐQT yêu cầu Chi nhánh Đà Nẵng tập trung thu hồi công nợ, đặc biệt là công nợ đã tồn đọng từ các năm trước đây. Đề nghị Giám đốc Công ty cử lãnh đạo cùng Chi nhánh làm việc với NMTĐ Đăkđrink để giải quyết vấn đề công nợ tại Chi nhánh Đà Nẵng.

**5. Kế hoạch SXKD giai đoạn 2021-2025, định hướng chiến lược đến năm 2035 của Công ty:**

Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục xem xét và cho ý kiến với báo cáo số 388/DVKT-KTKH ngày 03/6/2020 về Kế hoạch SXKD của Giám đốc Công ty, đề nghị

32660  
ÔNG T  
: Ô PHẢ  
VU KỶ  
LƯC Đ  
: ẾT N  
LIÊM

Ban điều hành khẩn trương xây dựng phương án để triển khai công tác đầu tư và trình HĐQT xem xét, phê duyệt trước ngày 15/8/2020.

**6. Các vấn đề vướng mắc của Hợp đồng số 43/PVP.TM.VA-PVPS/2019/DV:**

Giao Ban điều hành tiếp tục rà soát và hoàn thiện báo cáo thực trạng kèm giải pháp để Người đại diện phần vốn của PV Power tại PV Power Services báo cáo PV Power trước ngày 13/8/2020.

**Điều 3.** Giao Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chỉ đạo các Phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này tuân thủ các Quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành.

**Điều 4.** Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 4;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

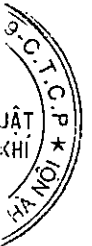


**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Duy Nhị**





Số: 166/NQ/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2020

## NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý III/2020 của Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam  
(Phiên họp ngày 23/10/2020)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý III năm 2020 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ngày 23/10/2020,

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất nội dung sau:

**1. Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2020:**

Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2020 như sau:

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu chính       | Ước thực hiện<br>9 tháng đầu năm 2020 | Tỷ lệ ước thực hiện/<br>kế hoạch 9 tháng |
|----------------------|---------------------------------------|--|
| Tổng doanh thu       | 133.53                                | 86.06%                                   |
| Tổng chi phí         | 123.37                                | 85.76%                                   |
| Lợi nhuận trước thuế | 10.16                                 | 89.91%                                   |

Các chỉ tiêu chính không đạt kế hoạch đề ra do trong 9 tháng đầu năm 2020 Công ty chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu sửa chữa thường xuyên Nhon Trạch 2 (khoảng 30 tỷ đồng). Mặc dù chỉ tiêu sản lượng thực

hiện trong 9 tháng đầu năm 2020 của Công ty vượt mức kế hoạch đề ra là 162.14/155/16 tỷ đồng (tương đương 104,5% kế hoạch).

Trong Quý IV năm 2020 Công ty cần tập trung triển khai các công việc phục vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ và thường xuyên tại các nhà máy điện theo kế hoạch, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020.

**Điều 2.** Sau khi xem xét các báo cáo, Hội đồng Quản trị yêu cầu Giám đốc Công ty hoàn thiện một số nội dung sau:

**1. Tình hình sử dụng Quỹ khoa học công nghệ của Công ty:**

Trên cơ sở báo cáo số 592/BC-DVKT ngày 15/10/2020 của Giám đốc Công ty, Hội đồng Quản trị yêu cầu Giám đốc khẩn trương đề xuất kế hoạch và giải pháp sử dụng Quỹ khoa học công nghệ trong đó xem xét việc xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu kỹ thuật của Công ty, báo cáo Hội đồng Quản trị trong tháng 11/2020.

**2. Xây dựng cơ chế chính sách đào tạo tay nghề nội bộ Công ty và cơ chế chính sách tiền lương chuyên gia:**

Trên cơ sở báo cáo số 592/BC-DVKT ngày 15/10/2020 của Giám đốc Công ty, HĐQT giao Giám đốc Công ty xây dựng Cơ chế chính sách đào tạo tay nghề nội bộ và Cơ chế chính sách tiền lương chuyên gia của Công ty và trình Hội đồng Quản trị xem xét phê duyệt trước ngày 15/12/2020.

**3. Xử lý các vấn đề tồn tại của Hợp đồng Nhơn Trạch 2:**

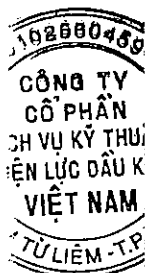
Trên cơ sở báo cáo số 592/BC-DVKT ngày 15/10/2020 của Giám đốc Công ty và nghe các ý kiến tại cuộc họp, HĐQT giao Giám đốc Công ty tích cực làm việc với PV Power Nhơn Trạch 2 và PV Power để sớm giải quyết dứt điểm công nợ của Hợp đồng 68/2011/PVPOWERNT2-PVPS.

**4. Công tác thu hồi công nợ tại Chi nhánh Đà Nẵng:**

Trên cơ sở báo cáo số 535/DVKT-KD ngày 15/9/2020 của Giám đốc Công ty và các ý kiến tại cuộc họp, HĐQT yêu cầu Giám đốc Công ty chỉ đạo Chi nhánh Đà Nẵng tiếp tục bám sát Chủ đầu tư để hoàn thiện và đẩy nhanh trong công tác thu hồi công nợ.

**5. Kế hoạch SXKD giai đoạn 2021-2025, định hướng chiến lược đến năm 2035 của Công ty:**

Trên cơ sở Tờ trình số 594/TTr-DVKT-KTKH ngày 15/10/2020 của Giám đốc Công ty, HĐQT đề nghị Giám đốc Công ty cập nhật thêm vào chiến



lược các xu hướng phát triển về công nghệ mới và thị trường để Người đại diện phân vốn có cơ sở để báo cáo cổ đông lớn PV Power trước ngày 15/11/2020.

**Điều 3.** Giao Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chỉ đạo các Phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này tuân thủ các Quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành.

**Điều 4.** Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 4;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, TK HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Duy Nhị**



Số: 08 /NQ/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

## NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý IV/2020 của Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam  
(Phiên họp ngày 28/01/2021)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý IV năm 2020 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ngày 28/01/2021,

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất nội dung sau:

**1. Thông qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020:**

Thông qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020 (trước kiểm toán) như sau:

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu chính       | Thực hiện năm 2020 | Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch |
|----------------------|--------------------|---------------------------|
| Tổng doanh thu       | 266.33             | 105.74%                   |
| Tổng chi phí         | 241.34             | 103.99%                   |
| Lợi nhuận trước thuế | 24.99              | 126.22%                   |

Thời gian tới Công ty cần tập trung triển khai các công việc phục vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ và thường xuyên tại các nhà máy điện theo kế hoạch, đảm bảo cho các nhà máy điện vận hành an toàn, hiệu quả, đạt độ khả dụng và độ tin cậy cao; Thực hiện tiết giảm, tiết kiệm trong toàn Công ty; Chú trọng công tác đào tạo, lập kế hoạch chương trình đào tạo cụ thể. Công ty cần tiếp tục đẩy



manh công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và báo cáo HĐQT kết quả thực hiện hàng quý.

**Điều 2.** Sau khi xem xét các báo cáo, Hội đồng Quản trị yêu cầu Giám đốc Công ty hoàn thiện một số nội dung sau:

**1. Xây dựng cơ chế chính sách đào tạo tay nghề nội bộ Công ty:**

Trên cơ sở báo cáo số 48/BC-DVKT ngày 22/01/2021 của Giám đốc Công ty về Báo cáo một số nội dung chuẩn bị họp HĐQT Quý IV.2020, Hội đồng Quản trị đề nghị Ban Giám đốc bám sát đúng lộ trình thực hiện xây dựng Quy chế đào tạo tay nghề nội bộ hoàn thành trong Quý II.2021, trình HĐQT xem xét phê duyệt.

**2. Tình hình sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Đà Nẵng:**

Trên cơ sở Báo cáo số 48/BC-DVKT ngày 22/01/2021 của Giám đốc Công ty về Báo cáo một số nội dung chuẩn bị họp HĐQT Quý IV.2020 và Báo cáo số 15/CV-DVKT-CNĐN ngày 21/01/2021 của Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng, HĐQT yêu cầu Chi nhánh Đà Nẵng đặc biệt rút kinh nghiệm trong xử lý các Hợp đồng Đăkdrink, Hợp đồng Nhà máy thủy điện Nước Chè. Hoàn thành thu hồi công nợ với NMTĐ Đăkdrink và hoàn thành nghiệm thu Hợp đồng NMTĐ Nước Chè trước ngày 10/02/2021.

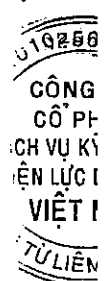
Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện đánh giá tổng thể tình hình SXKD tại Chi nhánh Đà Nẵng và các đề xuất kiến nghị cần thiết, báo cáo HĐQT trước ngày kết thúc Quý I.2021.

**3. Báo cáo tình hình hoạt động của Phòng Kinh doanh năm 2020:**

Trên cơ sở báo cáo số 54/DVKT-KD ngày 26/01/2021 của Giám đốc Công ty và nghe các ý kiến tại cuộc họp, HĐQT giao Giám đốc Công ty xây dựng phương án cụ thể để thành lập Trung tâm phát triển dịch vụ, trình HĐQT xem xét trước ngày 15/3/2021.

**4. Công tác định biên, tuyển dụng bố trí lao động và tình hình thực hiện quy chế lương của Công ty:**

Trên cơ sở báo cáo số 48/BC-DVKT ngày 22/01/2021 của Giám đốc Công ty và các ý kiến tại cuộc họp, HĐQT đề nghị Giám đốc Công ty hoàn thành các nội dung sau: (i) xây dựng định biên lao động Công ty năm 2021 trình HĐQT phê duyệt; (ii) về công tác tuyển dụng: Giám đốc Công ty thực hiện sau khi được HĐQT chấp thuận; (iii) xây dựng chính sách lương phù hợp cho nhân sự phát triển dịch vụ.



## 5. Công tác chuẩn bị dự án Sông Hậu 1, Thái Bình 2:

Đề nghị Ban điều hành tối ưu nguồn nhân lực chuẩn bị sẵn sàng cho dự án Sông Hậu 1, Thái Bình 2, thường xuyên cập nhật, báo cáo HĐQT tình hình thực hiện.

## 6. Một số nội dung khác:

1. Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo hoàn thiện Báo cáo thường niên năm 2020 trình HĐQT thông qua trước khi phát hành.
2. Đề nghị Giám đốc Công ty chỉ đạo hoàn thiện các nội dung báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
3. Đề nghị Giám đốc Công ty chỉ đạo rà soát Điều lệ, các Quy chế nội bộ của Công ty để kịp thời điều chỉnh phù hợp với Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

**Điều 3.** Giao Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chỉ đạo các Phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này tuân thủ các Quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành.

**Điều 4.** Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng và Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

### Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 4;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Ban Duy Nhị**

